

LỊCH THÌ THỰC HÀNH
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Chú Chú
1	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	16/10/2025	13g00	200	Đồ án kiến trúc công cộng 4	AT3056	2	KC22DH-DTI	25121AT305601	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
2	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	24/10/2025	13g00	200	Hình học hoa hình	AT2002	3	KC24QWV-KCI	25121AT200201	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
3	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	27/10/2025	13g00	200	Cơ sở kiến trúc 3	AT3048	2	KC24QWV-KCI	25121AT304801	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
4	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	27/10/2025	13g00	200	Cơ sở kiến trúc 3	AT3048	2	KC24QWV-KCI	25121AT304801	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
5	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/10/2025	13g00	200	Đồ án cấu tạo kiến trúc	AT3023	2	KC23QWV-KCI	25121AT302301	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
6	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/10/2025	13g00	200	Đồ án cấu tạo kiến trúc	AT3023	2	KC23QWV-KCI	25121AT302301	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
7	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	31/10/2025	07g30	250	Sáng tạo và Khởi nghiệp	LO3001	3	LO22DH-LO2	25121LO300102	Thuyết trình	12.6: Jasmine	
8	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	01/11/2025	07g30	250	Sáng tạo và Khởi nghiệp	LO3001	3	LO22DH-LO1	25121LO300101	Thuyết trình	12.5: Daisy	
9	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	04/11/2025	13g00	250	Giới thiệu về Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	LO2004	1	KC25QWV-LQ1	25121LO200401	Thuyết trình	18.5: Places	
10	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	04/11/2025	07g30	250	Logistics xanh	LO3034	2	LO22DH-LQ2	25121LO303401	Thuyết trình	12.4: Rose	
11	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	04/11/2025	07g30	250	Logistics xanh	LO3034	2	LO22DH-LQ2	25121LO303402	Thuyết trình	12.3: Lavender	
12	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	05/11/2025	07g30	250	Quản lý dự án	LO2008	3	KC24QWV-LQ1	25121LO200801	Thuyết trình	17.7: Iquazu fall	
13	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	07/11/2025	13g00	200	Hình học hoa hình	AT2002	3	KC24QWV-KCI	25121AT200201	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
14	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	08/11/2025	13g30	250	Các mô hình tài chính trong văn trú học	LO3016	3	KC23QWV-LQ1	25121LO301601	Thực hành	12.6: Jasmine	
15	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	10/11/2025	13g00	200	Biên tập & xử lý phim ảnh kỹ thuật số (Adobe Premiere, Adobe after effect)	GD3001	3	KC23QWV-TW1	25121GD300101	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
16	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	10/11/2025	13g00	200	Đồ án 8 (Thiết kế quảng cáo & sự kiện)	GD3026	3	MT22DH-DH1	25121GD302601	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
17	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	12/11/2025	13g00	200	Nhập môn Công nghệ phần mềm	IT3001	3	KC23QWV-CT2	25121IT300101	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
18	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	12/11/2025	13g00	200	Phát triển ứng dụng web	IT2016	3	KC23QWV-CT1	25121IT201602	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
19	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	12/11/2025	08g20	150	Thiết kế bố trí cảnh 2D	GD3029	3	KC24QWV-TB1	25121GD302901	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
20	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	12/11/2025	08g20	150	Thiết kế đơn trang brochure, catalogue, lịch	GD3014	2	KC23QWV-TW1	25121GD301401	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
21	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g30	200	Các mô hình tài chính trong văn trú học	LO3016	3	KC23QWV-LQ2	25121LO301602	Thực hành	12.3: Lavender	
22	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	08g20	150	Đồ án thiết kế tổng hợp	GD3027	2	MT22DH-DH1	25121GD302701	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
23	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	200	Khởi nghiệp chuyển ngành thiết kế	IT3017	3	TH22DH-CN1	25121IT301701	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
24	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	200	Ngành nghiệp chuyên ngành thiết kế	GD3020	2	KC23QWV-TW1	25121GD302001	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
25	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	200	Nguyên lý thiết kế đồ họa	GD2017	3	KC25QWV-TB1	25121GD201701	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
26	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	200	Phát triển ứng dụng web	IT2016	3	KC23QWV-CT2	25121IT201601	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
27	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	07g30	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	LO3002	3	KC24QWV-LQ1	25121LO300201	Thuyết trình	12.7: Lily	
28	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	200	Quản lý dự án thiết kế	GD3004	2	MT22DH-DH1	25121GD300401	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
29	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	200	Thực tập tham quan kiến trúc, giám sát công trường	AT3049	1	KC22DH-DTI	25121AT304902	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
30	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	250	Thực tập tham quan kiến trúc, giám sát công trường	AT3049	1	KC24QWV-KCI	25121AT304901	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
31	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	250	Thực tập tham quan kiến trúc, giám sát công trường	AT3049	1	KC24QWV-KCI	25121AT304901	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
32	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	250	Thực tập tham quan kiến trúc, giám sát công trường	AT3049	1	KC24QWV-KCI	25121AT304901	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
33	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	14/11/2025	13g00	200	Trí tuệ nhân tạo năng cao	IT3015	3	KC23QWV-CT1	25121IT301502	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
34	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	17/11/2025	13g00	200	Cơ sở văn hoá Việt Nam	GD1001	2	KC25QWV-TB1	25121GD100101	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
35	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	17/11/2025	13g00	200	Cơ sở văn hóa Việt Nam	AT2012	2	KC25QWV-KCI- ghep KC25QWV-TB1	25121AT201201	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
36	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	17/11/2025	13g00	200	Phát triển ý tưởng thiết kế	GD2011	2	KC24QWV-TB1	25121GD201101	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
37	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	18/11/2025	13g00	200	Chuyên đề vật liệu mới	AT3039	2	KC23QWV-KCI	25121AT303901	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
38	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	18/11/2025	13g00	200	Phát triển ứng dụng đa phương tiện trên thiết bị di động	IT3005	3	KC23QWV-CT2	25121IT300501	Tiểu luận	15.8: Vatican	
39	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	19/11/2025	13g00	200	Đồ án kiến trúc nhà ở 2	AT3021	2	KC23QWV-KCI	25121AT302101	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
40	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	19/11/2025	13g00	200	Lịch sử thiết kế chuyên ngành	GD2015	2	KC24QWV-TB1	25121GD201501	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
41	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	21/11/2025	08g20	150	Adobe Indesign	GD2016	2	KC24QWV-TB1	25121GD201601	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
42	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	21/11/2025	13g00	200	Chuyên đề Kiến trúc cao tầng	AT3044	2	KC22DH-DTI	25121AT304401	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
43	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	21/11/2025	08g20	150	Đồ án 5 (Thiết kế Hệ thống nhận diện thương hiệu)	GD3030	3	KC23QWV-TW1	25121GD303001	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
44	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	21/11/2025	08g20	150	Đồ án 9 (Thiết kế TVC Quảng cáo)	GD3003	3	MT22DH-DH1	25121GD300301	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tìm chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
45	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	21/11/2025	13g00	200	Khai thác dữ liệu lớn	IT3017	3	TH22DH-CN2	25121IT301702	Tiểu luận	14.10: Vp Khoa CN-KT	
46	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	21/11/2025	08g20	150	Kỹ thuật in	GD3012	2	KC23QWV-TWI	25121GD301201	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
47	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	21/11/2025	08g20	150	Thiết kế giao diện website	GD3017	2	KC24QWV-TD1	25121GD301701	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
48	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	07g30	150	Cơ sở kiến trúc 4	AT2009	2	KC24QWV-KC1	25121AT200901	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
49	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Điện kháng	AT2004	2	KC24QWV-KC1	25121AT200401	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
50	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Đồ án kiến trúc công cộng 5	AT3028	3	KC22DH-DT1	25121AT302801	Nộp đồ án	14.10: Vp Khoa CN-KT	
51	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	07g30	150	Lập trình React Native	IT3036	3	TH22DH-CN1	25121IT303601	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
52	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	07g30	150	Lập trình React Native	IT3036	3	TH22DH-CN2	25121IT303602	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
53	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	08g20	150	Mình họa kỹ thuật số	GD3015	2	MT22DH-DH1	25121GD301501	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
54	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Phát triển ứng dụng đa phương tiện trên thiết bị di động	IT3005	3	KC23QWV-CT1	25121IT300502	Tiểu luận	15.8: Vatican	
55	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Thực tập doanh nghiệp	IT3031	4	CNK1-GHEP Tự trình 58/TTtr- 25121IT303901	25121IT303101	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
56	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Thực tập doanh nghiệp	IT3039	3	TH22DH-CN1	25121IT303901	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
57	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Thực tập doanh nghiệp	IT3039	3	TH22DH-CN2	25121IT303902	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
58	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	08g20	150	Thực tập tốt nghiệp	AT3036	2	KC21DH-DT1	25121AT303601	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
59	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Thực tập tốt nghiệp	LO3036	2	LO22DH-LO2	25121LO303602	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
60	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	28/11/2025	13g00	200	Thực tập tốt nghiệp	LO3036	2	LO22DH-LO1	25121LO303601	Nộp báo cáo	14.10: Vp Khoa CN-KT	
61	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	03/12/2025	13g00	200	Nguyên lý thi giác	GD2010	2	KC25QWV-TD1	25121GD201001	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
62	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	09/12/2025	13g00	200	Trang trí 1	GD2007	2	KC25QWV-TD1	25121GD200701	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
63	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	11/12/2025	13g00	200	Hình họa 1	GD2007	2	KC25QWV-TD1	25121GD200701	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
64	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	11/12/2025	13g00	200	Thiết kế web	IT2017	2	KC25QWV-CT1	25121IT201701	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
65	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	12/12/2025	13g00	200	Adobe Illustrator	GD2002	2	KC25QWV-TD1	25121GD200201	Nộp sản phẩm	14.10: Vp Khoa CN-KT	
66	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	17/10/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3012	3	KW23QWV-WD1	25121NS301201	Thực hành	BV.TN.DD2: BV Thông Nhất	
67	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	17/10/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3012	3	KW23QWV-WD1	25121NS301201	Thực hành	BV.TN.DD2: BV Thông Nhất	
68	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	17/10/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3012	3	KW23QWV-WD1	25121NS301201	Thực hành	BV.TN.DD3: BV Thông Nhất	
69	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	DD22DH-DK1	25121NS305101	Trắc nghiệm	BV.CR.DD3: BV Chợ Rẫy	
70	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	DD22DH-DK1	25121NS305101	Trắc nghiệm	BV.CR.DD2: BV Chợ Rẫy	
71	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	DD22DH-DK1	25121NS305101	Trắc nghiệm	BV.CR.DD1: BV Chợ Rẫy	
72	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	TH Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3023	2	DD22DH-DK2	25121NS302302	Thực hành	01.TT Y tế khu vực Bình Đông	
73	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	TH Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3023	2	DD22DH-DK2	25121NS302302	Thực hành	01.TT Y tế khu vực Bình Đông	
74	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	TH Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3023	2	DD22DH-DK2	25121NS302302	Thực hành	01.TT Y tế khu vực Bình Đông	
75	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa	MW3013	3	MW22DH-MWI	25121MW301301	Thực hành	BV.HV.DD2: Bệnh viện Hùng Vương	
76	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3012	3	KW23QWV-WD2	25121NS301202	Thực hành	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
77	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3012	3	KW23QWV-WD2	25121NS301202	Thực hành	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
78	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3012	3	KW23QWV-WD2	25121NS301202	Thực hành	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
79	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	31/10/2025	13g00	200	THBV Kế hoạch hóa gia đình, phá thai	MW3022	2	KW23QWV-HS1	25121MW302201	Thực hành	BV.HV.DD3: Bệnh viện Hùng Vương	
80	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	10/11/2025	13g00	250	Dược lý	NS2017	2	KD24QWV-BD1	25121NS201701	Trắc nghiệm	C-110: LECTURE HALL	
81	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	10/11/2025	13g00	250	Dược lý	NS2017	2	KD24QWV-BD1	25121NS201701	Trắc nghiệm	C-110: LECTURE HALL	
82	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	11/11/2025	13g00	250	Dược lý	NS2017	2	KD24QWV-BD2	25121NS201702	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	
83	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	11/11/2025	13g00	250	Dược lý	NS2017	2	KD24QWV-BD2	25121NS201702	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
84	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	12/11/2025	13g00	250	Dược lý	NS2017	2	KB24QWV-BD3	25121NS201703	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	
85	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	12/11/2025	13g00	250	Dược lý	NS2017	2	KB24QWV-BD3	25121NS201703	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	
86	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	13/11/2025	07g30	250	Dược lý	NS2017	2	KB24QWV-BD1; KB24QDV-HS1	25121NS201705	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	
87	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	13/11/2025	07g30	250	Dược lý	NS2017	2	KB24QWV-BD1	25121NS201701	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	
88	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	DD22DDH-DK2	25121NS305102	Trắc nghiệm	BV/CR/DD1: BV Chợ Rẫy	
89	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	DD22DDH-DK2	25121NS305102	Trắc nghiệm	BV/CR/DD2: BV Chợ Rẫy	
90	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	DD22DDH-DK2	25121NS305102	Trắc nghiệm	BV/CR/DD3: BV Chợ Rẫy	
91	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	Chăm sóc thai kỳ bình thường và nguy cơ năng cao	MW3031	4	MW22DH-MW1	25121MW303101	Trắc nghiệm	BV/HV/DD2: Bệnh viện Hùng Vương	
92	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	07g30	250	Dược lý	NS2017	2	KB24QWV-BD3	25121NS201703	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	
93	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	07g30	250	Dược lý	NS2017	2	KB24QWV-BD2	25121NS201702	Trắc nghiệm	C-107: HIPPOCRATES HALL	
94	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	TH Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3023	2	DD22DDH-DK1	25121NS302301	Thực hành	01.TT Y tế khu vực Bình Đông	
95	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	TH Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3023	2	DD22DDH-DK1	25121NS302301	Thực hành	01.TT Y tế khu vực Bình Đông	
96	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	TH Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3023	2	DD22DDH-DK1	25121NS302301	Thực hành	01.TT Y tế khu vực Bình Đông	
97	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	14/11/2025	13g00	200	THBV Chăm sóc thai kỳ bình thường và nguy cơ	MW3029	2	KW23QWV-HS1	25121MW302901	Thực hành	BV/HV/DD4: Bệnh viện Hùng Vương	
98	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	18/11/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD2	25121NS305802	Trắc nghiệm	22.5: Thực hành Điều dưỡng Cơ sở 3	
99	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	21/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD3; Xếp LT cùng với HS1	25121NS305803	Trắc nghiệm	22.8: Thực hành Hộ Sinh	
100	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	21/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD1	25121NS305801	Trắc nghiệm	22.7: Tiền lâm sàng 2	
101	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	21/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD3; Xếp LT cùng với HS1	25121NS305803	Trắc nghiệm	22.4: Thực hành Điều dưỡng Cơ sở 2	
102	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	21/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD3; Xếp LT cùng với HS1	25121NS305803	Trắc nghiệm	22.6: Tiền lâm sàng 1	
103	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	22/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD1; KB25QDV-HS1	25121NS305805	Trắc nghiệm	22.3: Thực hành Điều dưỡng Cơ sở 1	
104	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	22/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD1	25121NS305801	Trắc nghiệm	22.7: Tiền lâm sàng 2	
105	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	22/11/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD2	25121NS305802	Trắc nghiệm	22.5: Thực hành Điều dưỡng Cơ sở 3	
106	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	22/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD1	25121NS305801	Trắc nghiệm	22.8: Thực hành Hộ Sinh	
107	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	24/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD1	25121NS305801	Trắc nghiệm	22.7: Tiền lâm sàng 2	
108	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	24/11/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD2	25121NS305802	Trắc nghiệm	22.5: Thực hành Điều dưỡng Cơ sở 3	
109	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	25/11/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD2	25121NS305802	Trắc nghiệm	22.8: Thực hành Hộ Sinh	
110	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	28/11/2025	13g00	250	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	KB25QWV-BD3; Xếp LT cùng với HS1	25121NS305803	Trắc nghiệm	22.6: Tiền lâm sàng 1	
111	Khoa Dược	27/10/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH1	25121DS202301	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
112	Khoa Dược	27/10/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH3	25121DS202303	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
113	Khoa Dược	27/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH3	25121DS202303	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
114	Khoa Dược	27/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH1	25121DS202301	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
115	Khoa Dược	27/10/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH4	25121DS201104	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
116	Khoa Dược	27/10/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH4	25121DS201104	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
117	Khoa Dược	27/10/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH3	25121DS201103	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
118	Khoa Dược	27/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH4	25121DS201104	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
119	Khoa Dược	28/10/2025	07g30	250	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	KD23QWV-DH4	25121DS206004	Thuyết trình	C-110: LECTURE HALL	
120	Khoa Dược	28/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS1	25121DS202601	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
121	Khoa Dược	28/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS2	25121DS202602	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
122	Khoa Dược	28/10/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS1	25121DS202601	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
123	Khoa Dược	28/10/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS1	25121DS202601	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
124	Khoa Dược	28/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH4	25121DS202304	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
125	Khoa Dược	28/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH3	25121DS202303	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
126	Khoa Dược	28/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH3	25121DS201103	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
127	Khoa Dược	28/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH2	25121DS201102	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
128	Khoa Dược	29/10/2025	07g30	250	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	KD23QWV-DH1	25121DS206001	Thuyết trình	C-110: LECTURE HALL	
129	Khoa Dược	29/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS3	25121DS202603	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
130	Khoa Dược	29/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS3	25121DS202603	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
131	Khoa Dược	29/10/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH2	25121DS202302	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
132	Khoa Dược	29/10/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH2	25121DS202302	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
133	Khoa Dược	29/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH2	25121DS202302	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
134	Khoa Dược	29/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH3	25121DS202303	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
135	Khoa Dược	29/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH2	25121DS201102	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
136	Khoa Dược	29/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH1	25121DS201101	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
137	Khoa Dược	30/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS4	25121DS202604	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
138	Khoa Dược	30/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS2	25121DS202602	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
139	Khoa Dược	30/10/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS4	25121DS202604	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
140	Khoa Dược	30/10/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH-DS2	25121DS202602	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
141	Khoa Dược	30/10/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH1	25121DS202301	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
142	Khoa Dược	30/10/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH1	25121DS202301	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
143	Khoa Dược	30/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH4	25121DS202304	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
144	Khoa Dược	30/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH1	25121DS202301	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
145	Khoa Dược	30/10/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH3	25121DS201103	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
146	Khoa Dược	30/10/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH3	25121DS201103	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
147	Khoa Dược	30/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH4	25121DS201104	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
148	Khoa Dược	31/10/2025	07g30	250	Ảnh văn chuyên ngành	DS2060	1	KD23QWV-DH3	25121DS206003	Thuyết trình	C-110: LECTURE HALL	
149	Khoa Dược	31/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS2	25121DS202602	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
150	Khoa Dược	31/10/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS2	25121DS202602	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
151	Khoa Dược	31/10/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS1	25121DS202601	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
152	Khoa Dược	31/10/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS1	25121DS202601	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
153	Khoa Dược	31/10/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH4	25121DS202304	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
154	Khoa Dược	31/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH4	25121DS202304	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
155	Khoa Dược	31/10/2025	13g00	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH3	25121DS202303	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
156	Khoa Dược	31/10/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH2	25121DS201102	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
157	Khoa Dược	31/10/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH2	25121DS201102	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
158	Khoa Dược	31/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH3	25121DS201103	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
159	Khoa Dược	31/10/2025	13g00	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH2	25121DS201102	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
160	Khoa Dược	01/11/2025	13g00	250	Ảnh văn chuyên ngành	DS2060	1	KD23QWV-DH2	25121DS206002	Thuyết trình	19.3: Phòng Nina Cave	
161	Khoa Dược	01/11/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS3	25121DS202603	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
162	Khoa Dược	01/11/2025	07g30	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS4	25121DS202604	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
163	Khoa Dược	01/11/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS4	25121DS202604	Trắc nghiệm	C-011.2: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
164	Khoa Dược	01/11/2025	13g00	250	Bảo chế và sinh dược học 2	DS2026	3	DS22DH+DS3	25121DS202603	Trắc nghiệm	C-011.1: Thực hành Bảo chế Khoa Dược	
165	Khoa Dược	01/11/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH2	25121DS202302	Trắc nghiệm	C-109.1: TH Hóa dược Khoa Dược	
166	Khoa Dược	01/11/2025	07g30	250	Hóa dược 1	DS2023	3	KD23QWV-DH2	25121DS202302	Trắc nghiệm	C-109.2: TH Hóa dược Khoa Dược	
167	Khoa Dược	01/11/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH1	25121DS201101	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
168	Khoa Dược	01/11/2025	07g30	250	Thực vật dược	DS2011	3	KD23QWV-DH1	25121DS201101	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
169	Khoa Dược	01/11/2025	13g00	250	Thực vật được	DS2011	3	KD23QWV-DH1	25121DS201101	Trắc nghiệm	C-009.1: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
170	Khoa Dược	01/11/2025	13g00	250	Thực vật được	DS2011	3	KD23QWV-DH1	25121DS201101	Trắc nghiệm	C-009.2: Thực hành Thực vật Khoa Dược	
171	Khoa Dược	10/11/2025	07g30	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS3	25121DS305103	Trắc nghiệm	21.1: Hai Van Pass	
172	Khoa Dược	10/11/2025	13g00	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS3	25121DS305103	Trắc nghiệm	21.1: Hai Van Pass	
173	Khoa Dược	10/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH2	25121DS202802	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
174	Khoa Dược	10/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH1	25121DS202801	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
175	Khoa Dược	10/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH1	25121DS202801	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
176	Khoa Dược	10/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH2	25121DS202802	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
177	Khoa Dược	10/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH3	25121DS203303	Trắc nghiệm	C-108.2: TH Hóa phân tích 1 Khoa Dược	
178	Khoa Dược	10/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH2	25121DS203302	Trắc nghiệm	C-108.2: TH Hóa phân tích 1 Khoa Dược	
179	Khoa Dược	10/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS1	25121DS201201	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm	
180	Khoa Dược	10/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS1	25121DS201201	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm	
181	Khoa Dược	10/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS3	25121DS201203	Trắc nghiệm	C-105.2: TH Kiểm nghiệm	
182	Khoa Dược	10/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS1	25121DS201201	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm	
183	Khoa Dược	11/11/2025	07g30	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS4	25121DS305104	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary	
184	Khoa Dược	11/11/2025	07g30	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS1	25121DS305101	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary	
185	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS4	25121DS305104	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary	
186	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS2	25121DS305102	Trắc nghiệm	20.2: Trúc Lâm Monastery	
187	Khoa Dược	11/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH3	25121DS202803	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
188	Khoa Dược	11/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH2	25121DS202802	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
189	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH1	25121DS202801	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
190	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH4	25121DS202804	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
191	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH2	25121DS203302	Trắc nghiệm	C-108.1: TH Hóa phân tích 1 khoa dược	
192	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH3	25121DS203303	Trắc nghiệm	C-108.1: TH Hóa phân tích 1 khoa dược	
193	Khoa Dược	11/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS2	25121DS201202	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm	
194	Khoa Dược	11/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS2	25121DS201202	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm	
195	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS2	25121DS201202	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm	
196	Khoa Dược	11/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS3	25121DS201203	Trắc nghiệm	C-105.2: TH Kiểm nghiệm	
197	Khoa Dược	12/11/2025	07g30	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS2	25121DS305102	Trắc nghiệm	21.1: Hai Van Pass	
198	Khoa Dược	12/11/2025	07g30	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS1	25121DS305101	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary	
199	Khoa Dược	12/11/2025	13g00	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS1	25121DS305101	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary	
200	Khoa Dược	12/11/2025	13g00	250	Dược làm sáng dài cường	DS3051	3	DS22DH-DS2	25121DS305102	Trắc nghiệm	21.10: Sword Lake	
201	Khoa Dược	12/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH4	25121DS202804	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
202	Khoa Dược	12/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH3	25121DS202803	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
203	Khoa Dược	12/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH4	25121DS202804	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	
204	Khoa Dược	12/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH3	25121DS202803	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược làm sáng Khoa Dược	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
205	Khoa Dược	12/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH1	25121DS203301	Trắc nghiệm	C-108.2: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
206	Khoa Dược	12/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH1	25121DS203301	Trắc nghiệm	C-108.1: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
207	Khoa Dược	12/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS4	25121DS201204	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
208	Khoa Dược	12/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS4	25121DS201204	Trắc nghiệm	C-105.2: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
209	Khoa Dược	12/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS2	25121DS201202	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
210	Khoa Dược	12/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS2	25121DS201202	Trắc nghiệm	C-105.2: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
211	Khoa Dược	13/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH2	25121DS202802	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược lâm sàng Khoa Dược	
212	Khoa Dược	13/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH3	25121DS202803	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược lâm sàng Khoa Dược	
213	Khoa Dược	13/11/2025	13g00	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH2	25121DS202802	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược lâm sàng Khoa Dược	
214	Khoa Dược	13/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH2	25121DS203302	Trắc nghiệm	C-108.2: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
215	Khoa Dược	13/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH2	25121DS203302	Trắc nghiệm	C-108.1: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
216	Khoa Dược	13/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS3	25121DS201203	Trắc nghiệm	C-105.2: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
217	Khoa Dược	13/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS1	25121DS201201	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
218	Khoa Dược	13/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS1	25121DS201201	Trắc nghiệm	C-105.2: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
219	Khoa Dược	13/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS3	25121DS201203	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
220	Khoa Dược	14/11/2025	07g30	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS4	25121DS305104	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
221	Khoa Dược	14/11/2025	07g30	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS3	25121DS305103	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
222	Khoa Dược	14/11/2025	13g00	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS3	25121DS305103	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
223	Khoa Dược	14/11/2025	13g00	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS4	25121DS305104	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
224	Khoa Dược	14/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH1	25121DS202801	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược lâm sàng Khoa Dược	
225	Khoa Dược	14/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH1	25121DS202801	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược lâm sàng Khoa Dược	
226	Khoa Dược	14/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH1	25121DS203301	Trắc nghiệm	C-108.1: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
227	Khoa Dược	14/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH3	25121DS203303	Trắc nghiệm	C-108.2: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
228	Khoa Dược	14/11/2025	07g30	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS4	25121DS201204	Trắc nghiệm	C-105.2: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
229	Khoa Dược	14/11/2025	13g00	250	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	DS22DH-DS4	25121DS201204	Trắc nghiệm	C-105.1: TH Kiểm nghiệm 1 Khoa Dược	
230	Khoa Dược	15/11/2025	07g30	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS2	25121DS305102	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
231	Khoa Dược	15/11/2025	07g30	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS1	25121DS305101	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
232	Khoa Dược	15/11/2025	13g00	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS1	25121DS305101	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
233	Khoa Dược	15/11/2025	13g00	250	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	DS22DH-DS2	25121DS305102	Trắc nghiệm	20.1: My Son Sanctuary 20.1: Hai Van Pass	
234	Khoa Dược	15/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH3	25121DS202803	Trắc nghiệm	C-005.1: TH Dược lý - Dược lâm sàng Khoa Dược	
235	Khoa Dược	15/11/2025	07g30	250	Dược lý 1	DS2028	4	KD23QWV-DH4	25121DS202804	Trắc nghiệm	C-005.2: TH Dược lý - Dược lâm sàng Khoa Dược	
236	Khoa Dược	15/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH3	25121DS203303	Trắc nghiệm	C-108.2: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
237	Khoa Dược	15/11/2025	13g00	250	Hoà phân tích	DS2033	4	KD24QWV-DH1	25121DS203301	Trắc nghiệm	C-108.1: TH Hòa phân tích 1 Khoa Dược	
238	Khoa Dược	21/11/2025	07g30	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH2	25121DS205802	Trắc nghiệm	C-010.1: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	
239	Khoa Dược	21/11/2025	07g30	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH2	25121DS205802	Trắc nghiệm	C-010.2: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	
240	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH2	25121DS205802	Trắc nghiệm	C-010.1: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
241	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH2	25121DS205802	Trắc nghiệm	C-010.2: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	
242	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS3	25121DS305603	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
243	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	250	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS2	25121DS305602	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
244	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS1	25121DS305601	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
245	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS1	25121DS305601	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
246	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS3	25121DS305603	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
247	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	250	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS2	25121DS305602	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
248	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS3	25121DS305603	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
249	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS1	25121DS305601	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
250	Khoa Dược	21/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS3	25121DS305603	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
251	Khoa Dược	22/11/2025	07g30	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH1	25121DS205801	Trắc nghiệm	C-010.1: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	
252	Khoa Dược	22/11/2025	07g30	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH1	25121DS205801	Trắc nghiệm	C-010.1: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	
253	Khoa Dược	22/11/2025	13g00	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH1	25121DS205801	Trắc nghiệm	C-010.2: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	
254	Khoa Dược	22/11/2025	13g00	250	Thực hành dược khoa	DS2058	3	KD25QWV-DH1	25121DS205801	Trắc nghiệm	C-010.2: Thực hành Dược liệu Khoa Dược	
255	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS4	25121DS305604	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
256	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS4	25121DS305604	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
257	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	250	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS2	25121DS305602	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
258	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS1	25121DS305601	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
259	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS4	25121DS305604	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
260	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS3	25121DS305603	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
261	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	250	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS2	25121DS305602	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
262	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	200	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS4	25121DS305604	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
263	Khoa Dược	28/11/2025	13g00	250	Thực tập thực tế	DS3056	4	DS21DH-DS2	25121DS305602	Nộp báo cáo	C-106.1: VP Khoa Dược	
264	Khoa Khoa Học Xã Hội	28/10/2025	07g30	250	Kỹ năng tham vấn tâm lý	PS3035	3	KH23QWV-TL1	25121PS303501	Vấn đáp	15.5.1: TT. TH tâm lý học	
265	Khoa Khoa Học Xã Hội	28/10/2025	13g00	250	Kỹ năng tham vấn tâm lý	PS3035	3	KH23QWV-TL1	25121PS303501	Vấn đáp	15.5.1: TT. TH tâm lý học	
266	Khoa Khoa Học Xã Hội	28/10/2025	13g00	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IR1016	2	KH24QWV-TT2	25121IR101604	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
267	Khoa Khoa Học Xã Hội	05/11/2025	13g00	250	Tham vấn học đường	PS3043	2	KH23QWV-TL1	25121PS304301	Vấn đáp	18.1: Aquarius	
268	Khoa Khoa Học Xã Hội	05/11/2025	07g30	250	Thiết kế hệ thống nhân dạng thương hiệu	PR3012	3	PR22DH-PR1	25121PR301202	Thực hành	9.3: Phòng máy	
269	Khoa Khoa Học Xã Hội	06/11/2025	07g30	250	Kỹ năng dẫn chương trình	PR3024	3	KH24QWV-TT1	25121PR302401	Vấn đáp	17.5: Great Wall	
270	Khoa Khoa Học Xã Hội	06/11/2025	13g00	250	Kỹ năng dẫn chương trình	PR3024	3	KH23QWV-QC1	25121PR302403	Vấn đáp	15.3: Qatar	
271	Khoa Khoa Học Xã Hội	06/11/2025	13g00	150	Kỹ năng dẫn chương trình ứng dụng	MC3044	1	XH22DH-NV1	25121MC304401	Vấn đáp	15.10: VP Khoa KHXH	
272	Khoa Khoa Học Xã Hội	06/11/2025	13g00	200	Kỹ thuật quay phim và dựng phim	MC3018	3	KH24QWV-QC1	25121MC301803	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
273	Khoa Khoa Học Xã Hội	10/11/2025	08g20	150	Kiến tập thực tế	PS3048	2	KH24QWV-TL1	25121PS304801	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
274	Khoa Khoa Học Xã Hội	10/11/2025	08g20	150	Kiến tập thực tế	PS3048	2	KH23QWV-TL1	25121PS304802	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
275	Khoa Khoa Học Xã Hội	10/11/2025	07g30	250	Kỹ năng dẫn chương trình	PR3024	3	KH24QWV-TT2	25121PR302402	Vấn đáp	21.7: Independence Palace	
276	Khoa Khoa Học Xã Hội	14/11/2025	08g20	150	Kiến tập	04760	2	DHCQ2019	251210476001	Nộp báo cáo		
277	Khoa Khoa Học Xã Hội	14/11/2025	13g00	200	Kiến tập	MC3030	2	KH23QWV-TT2	25121MC303001	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
278	Khoa Khoa Học Xã Hội	14/11/2025	13g00	200	Kiến tập	MC3030	2	KH23QWV-TT1	25121MC303002	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
279	Khoa Khoa Học Xã Hội	15/11/2025	07g30	200	Thiết kế hệ thống nhân dạng thương hiệu	PR3012	3	PR22DH-PR2	25121PR301201	Thực hành	9.7: Phòng máy	
280	Khoa Khoa Học Xã Hội	17/11/2025	13g00	200	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	MC2018	2	KH25QWV-TT1-1	25121MC201801	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
281	Khoa Khoa Học Xã Hội	17/11/2025	13g00	200	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	MC2018	2	KH25QWV-TT1-2	25121MC201802	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
282	Khoa Khoa Học Xã Hội	17/11/2025	13g00	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IR1016	2	KH24QWV-TT1	25121IR101603	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
283	Khoa Khoa Học Xã Hội	18/11/2025	13g00	200	Đảm phán quốc tế	IR3057	2	XH22DH-QT1	25121IR305701	Thực hành	15.10: VP Khoa KHXH	
284	Khoa Khoa Học Xã Hội	18/11/2025	13g00	200	Kỹ thuật an ninh	PR3030	3	KH24QWV-QC1	25121PR303001	Thực hành	15.10: VP Khoa KHXH	
285	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Chuyên đề EU	IR3016	3	KH23QWV-QH1	25121IR301601	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
286	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Chuyên đề Hòa Kỳ	IR3014	3	XH22DH-QT1	25121IR301401	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
287	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Lao động phòng viên	PR2016	3	XH22DH-NV1	25121PR201601	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
288	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Lao động phóng viên	PR2016	3	XH22DH-NV2	25121PR201602	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
289	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Luật báo chí, xuất bản	MC2002	2	KH25QWV-TT1-1	25121MC200204	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
290	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Luật báo chí, xuất bản	MC2002	2	KH25QWV-TT1-2	25121MC200205	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
291	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Nghiệp vụ phóng viên	PR2017	1	XH22DH-NV2	25121PR201702	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
292	Khoa Khoa Học Xã Hội	19/11/2025	13g00	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IR1016	2	KH24QWV-QH1; KH24QWV-TL1	25121IR101602	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
293	Khoa Khoa Học Xã Hội	20/11/2025	13g00	200	Luật báo chí, xuất bản	MC2002	2	KH23QWV-TT2; KH25QWV-QC1	25121MC200201	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
294	Khoa Khoa Học Xã Hội	20/11/2025	13g00	200	Luật báo chí, xuất bản	MC2002	2	KH23QWV-TT1	25121MC200202	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
295	Khoa Khoa Học Xã Hội	20/11/2025	13g00	200	Tâm lý học lao động	PS3028	2	KH23QWV-TL1	25121PS302801	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
296	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	PR3009	3	PR22DH-PR2	25121PR300901	Thuyết trình	15.10: VP Khoa KHXH	
297	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Kịch bản truyền thông	PR3001	3	KH23QWV-QC1	25121PR300101	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
298	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Kịch bản truyền thông	PR3001	3	KH23QWV-TT2	25121PR300102	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
299	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Kịch bản truyền thông	PR3001	3	KH23QWV-TT1	25121PR300103	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
300	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	08g20	150	Kỹ xảo truyền hình	MC3038	3	XH22DH-NV2	25121MC303802	Thực hành	15.10: VP Khoa KHXH	
301	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Kỹ xảo truyền hình	MC3038	3	XH22DH-NV1	25121MC303801	Thực hành	15.10: VP Khoa KHXH	
302	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	08g20	250	Kỹ thuật quay phim và dựng phim	MC3018	3	KH24QWV-TT1	25121MC301801	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
303	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Ngoại giao công chúng	IR3024	2	XH22DH-QT1	25121IR302401	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
304	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Ngoại giao đa phương	IR3023	2	XH22DH-QT1	25121IR302301	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
305	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Ngôn ngữ truyền thông	PR2003	2	Ghép 25121PR200301- 25121PR200302	25121PR200301	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
306	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Ngôn ngữ truyền thông	PR2003	2	KH25QWV-TT1 Ghép 25121PR200301- 25121PR200302	25121PR200302	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
307	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Thực hành tham vấn tâm lý tại cơ sở	PS3041	3	PS22DH-PS1	25121PS304101	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
308	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	08g20	150	Xây dựng thương hiệu trên phương tiện truyền thông kỹ thuật số	PR3013	3	PR22DH-PR2	25121PR301301	Thực hành	14.10: VP Khoa CN-KT	
309	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Xây dựng thương hiệu trên phương tiện truyền thông kỹ thuật số	PR3013	3	PR22DH-PR1	25121PR301302	Thực hành	15.10: VP Khoa KHXH	
310	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Xúc lý khủng hoảng truyền thông	PR3007	3	XH22DH-NV1	25121PR300701	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
311	Khoa Khoa Học Xã Hội	21/11/2025	13g00	200	Xúc lý khủng hoảng truyền thông	PR3007	3	XH22DH-NV2	25121PR300702	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
312	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	An ninh mạng	MC3037	3	XH22DH-NV1	25121MC303701	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
313	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	An ninh mạng	MC3037	3	XH22DH-NV2	25121MC303702	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
314	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	An ninh mạng truyền thông	MC3043	1	XH22DH-NV1	25121MC304301	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
315	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Marketing chiến lược	PR3018	3	PR22DH-PR2	25121PR301802	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
316	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Sản xuất phim ngắn	PR3025	3	KH23QWV-TT2	25121PR302501	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
317	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Tác nghiệp truyền thông trên thiết bị di động	MC3040	3	KH23QWV-TT2	25121MC304001	Thực hành	15.10: VP Khoa KHXH	
318	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Tác nghiệp truyền thông trên thiết bị di động	MC3040	3	KH23QWV-TT1	25121MC304002	Thực hành	15.10: VP Khoa KHXH	
319	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Tâm lý học quản trị nhân sự	PS3014	3	KH23QWV-TL1	25121PS301401	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
320	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Thực hành trị liệu tài cơ sở	PS3040	3	PS22DH-PS1	25121PS304001	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
321	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Tổ chức diễn đàn trên báo mạng điện tử	MC3039	3	XH22DH-NV2	25121MC303902	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
322	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Tổ chức sự kiện	PR3002	3	KH23QWV-QC1	25121PR300201	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
323	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Toàn cầu hóa	IR3019	3	XH22DH-QT1	25121IR301901	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
324	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Xúc lý khủng hoảng truyền thông	PR3007	3	PR22DH-PR2	25121PR300703	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
325	Khoa Khoa Học Xã Hội	24/11/2025	13g00	200	Xúc lý khủng hoảng truyền thông	PR3007	3	PR22DH-PR1	25121PR300704	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
326	Khoa Khoa Học Xã Hội	25/11/2025	13g00	200	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	PR3009	3	PR22DH-PR1	25121PR300902	Thuyết trình	15.10: VP Khoa KHXH	
327	Khoa Khoa Học Xã Hội	25/11/2025	13g00	200	Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng	PR3039	3	KH23QWV-QC1	25121PR303901	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
328	Khoa Khoa Học Xã Hội	25/11/2025	13g00	200	Sản xuất phim ngắn	PR3025	3	KH23QWV-TT1	25121PR302502	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
329	Khoa Khoa Học Xã Hội	25/11/2025	13g00	200	Tổ chức diễn đàn trên báo mạng điện tử	MC3039	3	XH22DH-NV1	25121MC303901	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
330	Khoa Khoa Học Xã Hội	27/11/2025	13g00	200	Địa chính trị	IR3020	3	XH22DH-QT1	25121IR302001	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
331	Khoa Khoa Học Xã Hội	27/11/2025	13g00	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IR1016	2	KH24QWV-QC1	25121IR101605	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
332	Khoa Khoa Học Xã Hội	28/11/2025	13g00	200	Kỹ thuật quay phim và dựng phim	MC3018	3	KH24QWV-TT2	25121MC301802	Nộp sản phẩm	15.10: VP Khoa KHXH	
333	Khoa Khoa Học Xã Hội	28/11/2025	13g00	200	Marketing chiến lược	PR3018	3	PR22DH-PR1	25121PR301801	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
334	Khoa Khoa Học Xã Hội	08/12/2025	13g00	200	Marketing nhập môn	MC2009	3	KH25QWV-QC1	25121MC200901	Tiểu luận	15.10: VP Khoa KHXH	
335	Khoa Khoa Học Xã Hội	11/12/2025	13g00	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IR1016	2	KH25QWV-TL1	25121IR101606	Nộp báo cáo	15.10: VP Khoa KHXH	
336	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	23/10/2025	13g00	200	Kỹ năng đàm phán	HM3033	2	EV22DH-EV1	25121HM303301	Thức hành	16.6: L. Pasteur	
337	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	27/10/2025	07g30	200	Kỹ năng đàm phán	EV3031	3	EV22DH-EV1	25121EV303101	Thức hành	16.1: P. TH Nguyễn hàng	
338	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	30/10/2025	13g00	200	Quản trị Môi trường kinh doanh	BA3002	3	KK24QWV-QK1	25121BA300201	Tiểu luận	16.10: VP Khoa KT-QT	
339	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	31/10/2025	07g30	250	Kỹ năng thuyết trình	HM3030	2	KK25QWV-QN1, 25121TM302301 ghép	25121HM303001	Thức hành	15.8: Vatican	
340	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	31/10/2025	07g30	250	Kỹ năng thuyết trình	TM3023	2	KK25QWV-QD1, 25121TM302301 ghép	25121TM302301	Thức hành	15.8: Vatican	
341	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	01/11/2025	07g30	250	Kỹ năng hoạt náo và Teambuilding	TM3025	2	KK24QWV-QD1	25121TM302501	Thức hành	16.7.2: S.Hawking	
342	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	01/11/2025	07g30	250	Nghiệp vụ buồng	HM3028	3	KK24QWV-QN1	25121HM302801	Thức hành	5.2: P.SEOUL	
343	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	06/11/2025	13g00	250	Tour thực tập 1 – Miền Tây	TM3013	3	KK23QWV-QD1	25121TM301301	Thức hành	THHT-HM1 - Thức tập TOUR 1	
344	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	08/11/2025	13g00	250	Mô phỏng Quản trị Nhà hàng-Khách sạn	HM3065	2	HM22DH-HM1	25121HM306501	Thức hành	5.7. SUL YNA BAR - RESTAURANT	
345	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	08/11/2025	13g00	250	Nghiệp vụ tiền sảnh	HM3027	3	KK23QWV-QN1	25121HM302701	Thức hành	5.11: FRONT OFFICE	
346	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	14/11/2025	13g00	250	Tour thực tập 3 – Miền Bắc	TM3015	3	TM22DH-TM1	25121TM301501	Thức hành		
347	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	17/11/2025	13g00	200	Kỹ thuật quay phim và dựng phim	EV3029	3	EV22DH-EV1	25121EV302901	Thức hành	15.10: VP Khoa KHXH	
348	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	19/11/2025	13g00	200	Đạo đức kinh doanh	BA2006	3	KK23QWV-QN1	25121BA200602	Tiểu luận	16.10: VP Khoa KT-QT	
349	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	19/11/2025	13g00	250	Quản trị Du lịch MICE	TM2003	3	KK23QWV-QD1	25121TM200301	Thức hành		
350	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	21/11/2025	13g00	200	Đổi mới và Khởi nghiệp	HM2008	3	KK24QWV-QN1	25121HM200801	Tiểu luận	16.10: VP Khoa KT-QT	
351	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	21/11/2025	13g00	150	Quản trị sự kiện Giải trí - Văn hóa - Nghệ thuật	EV3025	3	EV22DH-EV1	25121EV302501	Tiểu luận	16.10: VP Khoa KT-QT	
352	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	25/11/2025	13g00	200	Đạo đức kinh doanh	BA2006	3	KK24QWV-QN1	25121BA200601	Tiểu luận	16.10: VP Khoa KT-QT	
353	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	13g00	200	Thức tập tốt nghiệp	AC3032	2	AC22DH-CO1	25121AC303201	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
354	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	08g20	150	Thức tập tốt nghiệp	BA3037	2	Q122DH-QT1	25121BA303701	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
355	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	08g20	150	Thức tập tốt nghiệp	BA3037	2	Q122DH-QT2	25121BA303702	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
356	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	08g20	150	Thức tập tốt nghiệp	BA3037	2	Q122DH-QT3	25121BA303703	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
357	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	13g00	200	Thức tập tốt nghiệp	DM3032	2	DM22DH-DM1	25121DM303201	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
358	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	13g00	200	Thức tập tốt nghiệp	DM3032	2	DM22DH-DM2	25121DM303202	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
359	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	13g00	200	Thức tập tốt nghiệp	DM3032	2	DM22DH-DM3	25121DM303203	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
360	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	13g00	200	Thức tập tốt nghiệp	DM3032	2	DM22DH-DM4	25121DM303204	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
361	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	08g20	150	Thức tập tốt nghiệp	EC3009	2	EC22DH-EC1	25121EC300901	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
362	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	08g20	150	Thức tập tốt nghiệp	FB3033	2	TK22DH-NH1	25121FB303301	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
363	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	28/11/2025	13g00	200	Thức tập tốt nghiệp	FB3033	2	TK22DH-NH2	25121FB303302	Nộp báo cáo	16.10: VP Khoa KT-QT	
364	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	03/12/2025	13g00	200	Tổng quan du lịch	HM2016	2	KK25QWV-QD1, KK25QWV-QN1	25121HM201601	Tiểu luận	16.10: VP Khoa KT-QT	
365	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	27/10/2025	07g30	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP1	25121RH300301	Trắc nghiệm	A-101: Thức hành PHCN Vận động trị liệu 4	
366	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	27/10/2025	07g30	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP1	25121RH300301	Trắc nghiệm	A-001: Thức hành Vận động trị liệu 3	
367	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	27/10/2025	13g00	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP1	25121RH300301	Trắc nghiệm	A-103: Thức hành PHCN Vận động trị liệu 6	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
368	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	27/10/2025	13g00	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP1	25121RH300301	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
369	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	30/10/2025	07g30	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP2	25121RH300302	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
370	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	30/10/2025	07g30	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP2	25121RH300302	Trắc nghiệm	A-101: Thực hành PHCN Vận động trị liệu 4	
371	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	30/10/2025	13g00	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP2	25121RH300302	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
372	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	30/10/2025	13g00	250	Khoa học vận động	RH3003	2	KP24QWV-KP2	25121RH300302	Trắc nghiệm	A-103: Thực hành PHCN Vận động trị liệu 6	
373	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	31/10/2025	13g00	250	Thực tập lâm sàng 3	RH3020	4	VL22DH-PN1	25121RH302001	Thuyết trình	BV NPH 1 VL1: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
374	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	31/10/2025	13g00	250	Thực tập lâm sàng 3	RH3020	4	VL22DH-PN1	25121RH302001	Thuyết trình	BV PHCN VL1: Bệnh viện Chính hình và PHCN	
375	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	31/10/2025	13g00	250	Thực tập lâm sàng 3	RH3020	4	VL22DH-PN1	25121RH302001	Thuyết trình	BV YHCTVL1: Bệnh viện Y học cổ truyền TP	
376	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	31/10/2025	13g00	250	Thực tập lâm sàng 3	RH3020	4	VL22DH-PN1	25121RH302001	Thuyết trình	BV 175 VL1: BV Quân Y 175	
377	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	31/10/2025	13g00	250	Thực tập lâm sàng 3	RH3020	4	VL22DH-PN1	25121RH302001	Thuyết trình	BV GD VL1: Bệnh viện nhân dân Gia Định	
378	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	31/10/2025	13g00	250	Thực tập lâm sàng 3	RH3020	4	VL22DH-PN1	25121RH302001	Thuyết trình	BV AB VL1: Bệnh viện An Bình	
379	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	03/11/2025	07g30	250	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	RH3083	3	KP23QWV-KP1	25121RH308301	Trắc nghiệm	A-002: Thực hành Vận động trị liệu 2	
380	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	03/11/2025	07g30	250	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	RH3083	3	KP23QWV-KP1	25121RH308301	Trắc nghiệm	A-004: Thực hành Vận động trị liệu 1+ Thuyết trị liệu	
381	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	03/11/2025	13g00	250	Phục hồi chức năng Nhi khoa	RH3014	3	KP23QWV-KP1	25121RH301401	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
382	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	04/11/2025	13g00	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP2	25121RH300202	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
383	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	05/11/2025	07g30	250	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	RH3083	3	KP23QWV-KP1	25121RH308301	Trắc nghiệm	A-002: Thực hành Vận động trị liệu 2	
384	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	06/11/2025	13g00	250	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	RH3083	3	KP23QWV-KP1	25121RH308301	Trắc nghiệm	A-002: Thực hành Vận động trị liệu 2	
385	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	06/11/2025	13g00	250	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	RH3083	3	KP23QWV-KP1	25121RH308301	Trắc nghiệm	A-101: Thực hành PHCN Vận động trị liệu 4	
386	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	06/11/2025	07g30	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP1	25121RH300201	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
387	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	06/11/2025	13g00	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP1	25121RH300201	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
388	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	07/11/2025	07g30	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP2	25121RH300202	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
389	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	07/11/2025	07g30	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP2	25121RH300202	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
390	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	08/11/2025	07g30	250	Phục hồi chức năng Nhi khoa	RH3014	3	KP23QWV-KP1	25121RH301401	Trắc nghiệm	A-102: Thực hành PHCN Vận động trị liệu 5	
391	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	10/11/2025	07g30	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP1	25121RH300201	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
392	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	12/11/2025	07g30	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP2	25121RH300202	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
393	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	12/11/2025	13g00	250	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	KP24QWV-KP1	25121RH300201	Trắc nghiệm	A-001: Thực hành Vận động trị liệu 3	
394	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	13/11/2025	07g30	250	Kỹ thuật di động khớp năng cao	RH3087	3	VL22DH-PN1	25121RH308701	Trắc nghiệm	A-002: Thực hành Vận động trị liệu 2	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
395	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	13/11/2025	07g30	250	Kỹ thuật di động khớp năng cao	RH3087	3	VL22DH-PN1	25121RH308701	Trắc nghiệm	A-004: Thực hành Vân đông trí liệu 1 + Thuyết trí liệu	
396	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	13/11/2025	13g00	250	Kỹ thuật di động khớp năng cao	RH3087	3	VL22DH-PN1	25121RH308701	Trắc nghiệm	A-002: Thực hành Vân đông trí liệu 2	
397	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	13/11/2025	13g00	250	Kỹ thuật di động khớp năng cao	RH3087	3	VL22DH-PN1	25121RH308701	Trắc nghiệm	A-004: Thực hành Vân đông trí liệu 1 + Thuyết trí liệu	
398	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	13/11/2025	07g30	250	Phục hồi chức năng Nhĩ khoa	RH3014	3	KP23QWV-KP1	25121RH301401	Trắc nghiệm	A-102: Thực hành PHCN Vân đông trí liệu 5	
399	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	14/11/2025	07g30	250	Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ năng cao	RH3088	3	VL22DH-PN1	25121RH308801	Trắc nghiệm	A-002: Thực hành Vân đông trí liệu 2	
400	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	14/11/2025	07g30	250	Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ năng cao	RH3088	3	VL22DH-PN1	25121RH308801	Trắc nghiệm	A-004: Thực hành Vân đông trí liệu 1 + Thuyết trí liệu	
401	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	14/11/2025	13g00	250	Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ năng cao	RH3088	3	VL22DH-PN1	25121RH308801	Trắc nghiệm	A-002: Thực hành Vân đông trí liệu 2	
402	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	14/11/2025	13g00	250	Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ năng cao	RH3088	3	VL22DH-PN1	25121RH308801	Trắc nghiệm	A-004: Thực hành Vân đông trí liệu 1 + Thuyết trí liệu	
403	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	15/11/2025	07g30	250	Phục hồi chức năng Nhĩ khoa	RH3014	3	KP23QWV-KP1	25121RH301401	Trắc nghiệm	A-102: Thực hành PHCN Vân đông trí liệu 5	
404	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	15/11/2025	13g00	250	Phục hồi chức năng Nhĩ khoa	RH3014	3	KP23QWV-KP1	25121RH301401	Trắc nghiệm	A-102: Thực hành PHCN Vân đông trí liệu 5	
405	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	03/10/2025	13g00	200	Thực tập tốt nghiệp	JS3019	3	NN22DH-NB1	25121JS301901	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
406	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	03/10/2025	13g00	200	Thực tập tốt nghiệp	CS3015	3	NN22DH-TQ1	25121CS301501	Nộp báo cáo	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
407	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	03/10/2025	13g00	200	Thực tập tốt nghiệp	KS3017	3	NN22DH-HQ1	25121KS301701	Nộp báo cáo	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
408	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	03/11/2025	07g30	250	Tiếng Trung Quốc du lịch	CS3011	3	NN22DH-TQ1	25121CS301101	Vấn đáp	18.6: Scorpio	
409	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	04/11/2025	07g30	250	Phiên dịch tiếng Nhật	JS3027	3	NN22DH-NB1	25121JS302701	Vấn đáp	19.1: Ha Long Bay	
410	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	04/11/2025	07g30	250	Tiếng Trung Quốc thương mại	CS3009	3	NN22DH-TQ1	25121CS300901	Vấn đáp	20.2: Truc Lam Monastery	
411	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	05/11/2025	07g30	250	Nghe nói tiếng Trung Quốc 3	CS2028	3	KN24QWV-NT1	25121CS202801	Vấn đáp	18.1: Aquarius	
412	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	06/11/2025	07g30	250	Nghe nói tiếng Hàn 3	KS2008	3	KN24QWV-NH1	25121KS200801	Vấn đáp	24.13: Giảng Đường	
413	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	07/11/2025	13g00	250	Nghe thuật hưng biến	EL3027	3	KN23QWV-NA1-I	25121EL302701	Thuyết trình	20.10: Linh Sơn Ancient Temple	
414	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	07/11/2025	13g00	250	Phát âm	EL2015	2	KN25QWV-NA1	25121EL201501	Vấn đáp	19.6: Hoi An Ancient Town	
415	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	08/11/2025	07g30	250	Tiếng Trung 1	EL1005	3	KN24QWV-NA1	25121EL100502	Vấn đáp	18.1: Aquarius	
416	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	08/11/2025	07g30	250	Tiếng Trung 1	EL1005	3	KN24QWV-NA1	25121EL100501	Vấn đáp	16.3: C. Darwin	
417	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	10/11/2025	07g30	250	Nghe - Nói 3	EL2003	3	KN24QWV-NA1-2	25121EL200302	Vấn đáp	17.1: Eiffel Tower	
418	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	11/11/2025	07g30	250	Nghe - Nói 3	EL2003	3	KN24QWV-NA1-I	25121EL200301	Vấn đáp	20.9: Ba Be Lake	
419	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	11/11/2025	13g00	250	Nghe thuật hưng biến	EL3027	3	KN23QWV-NA1-2	25121EL302702	Thuyết trình	14.1: ENGLAND	
420	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	12/11/2025	13g50	200	Nghe nói tiếng Nhật 5	JS3048	3	KN23QWV-NN1	25121JS304801	Vấn đáp	17.3: Everest	
421	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	12/11/2025	07g30	600	Thực hành giảng dạy	EL3017	3	NN22DH-AV1; NN22DH-AV2	25121EL301703	Thuyết trình	17.1: Eiffel Tower	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
422	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	12/11/2025	13g50	200	Tổ chức sự kiện	EL3045	3	KN23QWV-NAI	25121EL304501	Thuyết trình	17.2: Ankor Watt	
423	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	13/11/2025	07g30	600	Thực hành giảng dạy	EL3017	3	NN22DH-AV1; NN22DH-AV2	25121EL301701	Thuyết trình	17.1: Eiffel Tower	
424	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	19/11/2025	13g00	200	Kiểm tra và đánh giá học tập	EL3028	3	NN22DH-AV1; NN22DH-AV2	25121EL302801	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
425	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	19/11/2025	13g00	200	Tiếng Việt thực hành	EL1019	3	KN24QWV-NAI-1	25121EL101909	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
426	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	19/11/2025	13g00	200	Tiếng Việt thực hành	EL1019	3	KN24QWV-NAI-2	25121EL101910	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
427	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	19/11/2025	13g00	200	Văn học Trung Quốc	CS3003	3	NN22DH-TQ1	25121CS300301	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
428	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	21/11/2025	13g00	200	Kiểm tra và đánh giá học tập	EL3028	3	NN22DH-AV1; NN22DH-AV2	25121EL302803	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
429	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	21/11/2025	13g00	200	Tiếng Việt thực hành	EL1019	3	KN24QWV-NT1	25121EL101906	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
430	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	21/11/2025	13g00	200	Tiếng Việt thực hành	EL1019	3	KN24QWV-NHI1; KN24QWV-NN1	25121EL101908	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
431	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	21/11/2025	13g00	200	Viết bài tiểu luận	EL3041	3	KN23QWV-NAI-2	25121EL304102	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
432	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	24/11/2025	08g20	200	Công nghệ trong giảng dạy Tiếng Anh	EL3018	3	NN22DH-AV1; NN22DH-AV2	25121EL301801	Nộp sản phẩm	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
433	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	24/11/2025	08g20	200	Công nghệ trong giảng dạy Tiếng Anh	EL3018	3	NN22DH-AV1; NN22DH-AV2	25121EL301803	Nộp sản phẩm	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
434	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	24/11/2025	13g00	200	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	KS3038	3	NN22DH-HQ1	25121KS303801	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
435	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	24/11/2025	13g00	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	EL1001	3	KN24QWV-NT1	25121EL100102	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
436	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	24/11/2025	13g00	200	Viết bài tiểu luận	EL3041	3	KN23QWV-NAI-1	25121EL304101	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
437	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	25/11/2025	13g00	250	Nghe - Nói 1	EL2016	3	KN25QWV-NAI	25121EL201601	Vấn đáp	12.5: Daisy	
438	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	25/11/2025	13g00	250	Nghe nói tiếng Trung Quốc 1	CS2019	3	KN25QWV-NT1	25121CS201901	Vấn đáp	12.4: Rose	
439	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	26/11/2025	13g00	250	Anh văn 1	GE1017	3	KY25QWV-YC2- KB; KC25QWV-KC1	25121GE101706	Vấn đáp	ON.29: ON.29	
440	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	28/11/2025	13g00	200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	EL1001	3	KN24QWV-NHI1; KN24QWV-NN1; KN25QWV-NHI1	25121EL100104	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
441	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	28/11/2025	13g00	200	Văn học và nghệ thuật Hàn Quốc	KS3043	3	NN22DH-HQ1	25121KS304301	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
442	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	12/12/2025	13g00	200	Tiếng Việt thực hành	EL1019	3	KN25QWV-NAI	25121EL101901	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
443	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	12/12/2025	13g00	200	Tiếng Việt thực hành	EL1019	3	KN25QWV-NT1; KN25QWV-NHI1	25121EL101905	Tiểu luận	17.10: VP Khoa NN&VHQT	
444	Khoa Răng Hàm Mất	12/09/2025	13g00	200	Làm sáng nhà khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS1	25121OS313001	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
445	Khoa Răng Hàm Mất	12/09/2025	13g00	200	Làm sáng nhà khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS1	25121OS313001	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
446	Khoa Răng Hàm Mất	12/09/2025	13g00	200	Làm sáng nhà khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS1	25121OS313001	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
447	Khoa Răng Hàm Mất	12/09/2025	13g00	200	Làm sáng nhà khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS1	25121OS313001	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
448	Khoa Răng Hàm Mất	24/09/2025	13g00	250	Làm sáng nhà khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS2	25121OS313002	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	



Handwritten signature or mark.

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
449	Khoa Răng Hàm Mũi	24/09/2025	13g00	200	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS1	25121OS313001	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
450	Khoa Răng Hàm Mũi	24/09/2025	13g00	200	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS1	25121OS313001	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
451	Khoa Răng Hàm Mũi	24/09/2025	13g00	200	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS1	25121OS313001	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
452	Khoa Răng Hàm Mũi	25/09/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM1 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM2	25121OS206401	Trắc nghiệm	BV AB,RHM1: Bệnh viện An Bình	
453	Khoa Răng Hàm Mũi	25/09/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM1 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM2	25121OS206401	Trắc nghiệm	BV AB,RHM2: Bệnh viện An Bình	
454	Khoa Răng Hàm Mũi	02/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM1 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM2	25121OS206401	Trắc nghiệm	BV AB,RHM1: Bệnh viện An Bình	
455	Khoa Răng Hàm Mũi	02/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM1 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM2	25121OS206401	Trắc nghiệm	BV AB,RHM3: Bệnh viện An Bình	
456	Khoa Răng Hàm Mũi	06/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS2	25121OS313002	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
457	Khoa Răng Hàm Mũi	06/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS2	25121OS313002	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
458	Khoa Răng Hàm Mũi	06/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS2	25121OS313002	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
459	Khoa Răng Hàm Mũi	07/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS2	25121OS313002	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
460	Khoa Răng Hàm Mũi	09/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM2 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM1	25121OS206402	Trắc nghiệm	BV AB,RHM1: Bệnh viện An Bình	
461	Khoa Răng Hàm Mũi	09/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM2 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM1	25121OS206402	Trắc nghiệm	BV AB,RHM2: Bệnh viện An Bình	
462	Khoa Răng Hàm Mũi	14/10/2025	13g00	250	Clinical Occlusion	OS3291	2	OS20DHB-OS1	25121OS329101	Tự luận	23.7: Lab Mô Phỏng Lâm Sàng	
463	Khoa Răng Hàm Mũi	14/10/2025	13g00	250	Clinical Occlusion	OS3291	2	OS20DHB-OS1	25121OS329101	Tự luận	23.7: Lab Mô Phỏng Lâm Sàng	
464	Khoa Răng Hàm Mũi	16/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS3	25121OS313003	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
465	Khoa Răng Hàm Mũi	16/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS3	25121OS313003	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
466	Khoa Răng Hàm Mũi	16/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS2	25121OS313002	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
467	Khoa Răng Hàm Mũi	16/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS2	25121OS313002	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
468	Khoa Răng Hàm Mũi	16/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM2 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM1	25121OS206402	Trắc nghiệm	BV AB,RHM1: Bệnh viện An Bình	
469	Khoa Răng Hàm Mũi	16/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM2 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM1	25121OS206402	Trắc nghiệm	BV AB,RHM3: Bệnh viện An Bình	
470	Khoa Răng Hàm Mũi	18/10/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS4	25121OS320404	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
471	Khoa Răng Hàm Mũi	18/10/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS4	25121OS320404	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
472	Khoa Răng Hàm Mũi	18/10/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS4	25121OS320404	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
473	Khoa Răng Hàm Mũi	18/10/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS4	25121OS320404	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
474	Khoa Răng Hàm Mũi	18/10/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS4	25121OS320404	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
475	Khoa Răng Hàm Mũi	18/10/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS4	25121OS320404	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
476	Khoa Răng Hàm Mũi	18/10/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS4	25121OS320404	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
477	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	13g00	250	Oral and Maxillofacial Surgery	OS5046	2	OS20DHE-OS1	25121OS504601	Thực hành	5.2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
478	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	13g00	250	Oral and Maxillofacial Surgery	OS5046	2	OS20DHE-OS1	25121OS504601	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 7	
479	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS4	25121OS313804	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 7	
480	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS4	25121OS313804	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 7	
481	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS4	25121OS313804	Thực hành	5.2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
482	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS4	25121OS313804	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 7	
483	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS4	25121OS313804	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 7	
484	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS4	25121OS313804	Thực hành	5.2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
485	Khoa Răng Hàm Mất	20/10/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS4	25121OS313804	Thực hành	5.2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
486	Khoa Răng Hàm Mất	21/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS4	25121OS315104	Thực hành	5.2-3: HHU Clinic lâm sàng 6	
487	Khoa Răng Hàm Mất	21/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS4	25121OS315104	Thực hành	3.1-3: HHU Clinic lâm sàng 3	
488	Khoa Răng Hàm Mất	21/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS4	25121OS315104	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 6	
489	Khoa Răng Hàm Mất	21/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS4	25121OS315104	Thực hành	2.1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	
490	Khoa Răng Hàm Mất	21/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS4	25121OS315104	Thực hành	5.2-3: HHU Clinic lâm sàng 6	
491	Khoa Răng Hàm Mất	21/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS4	25121OS315104	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 6	
492	Khoa Răng Hàm Mất	21/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS4	25121OS315104	Thực hành	3.1-3: HHU Clinic lâm sàng 3	
493	Khoa Răng Hàm Mất	23/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	25121OS312503	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
494	Khoa Răng Hàm Mất	23/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	25121OS312503	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
495	Khoa Răng Hàm Mất	23/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM3 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM4	25121OS206403	Trắc nghiệm	BV/AB RHM1: Bệnh viện An Bình	
496	Khoa Răng Hàm Mất	23/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM3 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM4	25121OS206403	Trắc nghiệm	BV/AB RHM2: Bệnh viện An Bình	
497	Khoa Răng Hàm Mất	24/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	25121OS331603	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
498	Khoa Răng Hàm Mất	24/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	25121OS331603	Trắc nghiệm	24.12: Lab 5	
499	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	07g30	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM5	25121OS331503	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
500	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM2	25121OS331501	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
501	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	2.1-1: HHU Clinic lâm sàng 2	
502	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	2.1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	

76

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
503	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	3.1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
504	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	3.1-2: HHU Clinic lâm sàng 3	
505	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	07g30	250	Oral and Maxillofacial Imaging Diagnostics I	OS5017	2	KR23QWV-RM1	25121OS501701	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
506	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	250	Pediatric Dentistry	OS5107	3	OS22DHE-OS1	25121OS510701	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	
507	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	250	Pediatric Dentistry	OS5107	3	OS22DHE-OS1	25121OS510701	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	
508	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	07g30	200	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3121	2	OS22DH-OS2: 25121OS31601 ghép với 25121OS312101	25121OS312101	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
509	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	07g30	200	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3121	2	OS22DH-OS2: 25121OS31601 ghép với 25121OS312101	25121OS312101	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
510	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	07g30	200	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2: 25121OS331601 ghép với 25121OS312101	25121OS331601	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
511	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	07g30	200	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2: 25121OS331601 ghép với 25121OS312101	25121OS331601	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
512	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	200	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2: 25121OS331601 ghép với 25121OS312101	25121OS331601	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
513	Khoa Răng Hàm Mất	27/10/2025	13g00	200	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2: 25121OS331601 ghép với 25121OS312101	25121OS331601	Trắc nghiệm	24.12: Lab 5	
514	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS312504	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
515	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS312504	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
516	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS312504	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
517	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS312504	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
518	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM1	25121OS331502	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
519	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM1	25121OS331502	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
520	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	2.1-1: HHU Clinic lâm sàng 2	
521	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	2.1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	
522	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	3.1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
523	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS300301	Thực hành	3.1-2: HHU Clinic lâm sàng 3	
524	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	2.1-1: HHU Clinic lâm sàng 2	
525	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	2.1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	
526	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	2.1-3: HHU Clinic lâm sàng 2	
527	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	3.1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
528	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS3	25121OS313003	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
529	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS3	25121OS313003	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
530	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS3	25121OS313003	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
531	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS3	25121OS313003	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
532	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS325801	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	
533	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS325801	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	
534	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS325801	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	

RƯỚC
VỊT
JỐC
NGI
★

76

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tỉn chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
535	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS325801	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	
536	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS331602	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
537	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	07g30	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS331602	Trắc nghiệm	24.12: Lab 5	
538	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS331602	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
539	Khoa Răng Hàm Mất	28/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS331602	Trắc nghiệm	24.12: Lab 5	
540	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS312502	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
541	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS312502	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
542	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS312502	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
543	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM1	25121OS312502	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
544	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM2	25121OS331501	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
545	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM5 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM3	25121OS331505	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
546	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	2.1-1: HIU.Clinic lâm sàng 2	
547	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	2.1-2: HIU.Clinic lâm sàng 2	
548	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	2.1-3: HIU.Clinic lâm sàng 2	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
549	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT với OS21DHB-OS1	25121OS300302	Thực hành	3.1-1: HIU Clinic lâm sàng 3	
550	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	2.1-1: HIU Clinic lâm sàng 2	
551	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	2.1-2: HIU Clinic lâm sàng 2	
552	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	2.1-3: HIU Clinic lâm sàng 2	
553	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	3.1-1: HIU Clinic lâm sàng 3	
554	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS325802	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	
555	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	07g30	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS325802	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	
556	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS325802	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	
557	Khoa Răng Hàm Mất	29/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS325802	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	
558	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	25121OS312503	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
559	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	25121OS312503	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
560	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	13g00	250	Clinical Oral Maxillofacial Pathology and Surgery I	OS3239	2	OS21DHB-OS1	25121OS323901	Thực hành	2.1-3: HIU Clinic lâm sàng 2	
561	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	13g00	250	Clinical Oral Maxillofacial Pathology and Surgery I	OS3239	2	OS21DHB-OS1	25121OS323901	Thực hành	3.1-3: HIU Clinic lâm sàng 3	
562	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM5	25121OS331503	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
563	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	13g00	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM2	25121OS331501	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
564	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	2.1-1: HIU Clinic lâm sàng 2	
565	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	2.1-2: HIU Clinic lâm sàng 2	
566	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	2.1-3: HIU Clinic lâm sàng 2	
567	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	3.1-1: HIU Clinic lâm sàng 3	
568	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	OS3003	2	OS21DHB-OS3	25121OS300303	Thực hành	2.1-1: HIU Clinic lâm sàng 2	
569	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS325803	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	
570	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	07g30	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS325803	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	
571	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS325803	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	
572	Khoa Răng Hàm Mất	30/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS325803	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
573	Khoa Răng Hàm Mũi	30/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM3 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM4	25121OS206403	Trắc nghiệm	BV AB RHM1: Bệnh viện An Bình	
574	Khoa Răng Hàm Mũi	30/10/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM3 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM4	25121OS206403	Trắc nghiệm	BV AB RHM3: Bệnh viện An Bình	
575	Khoa Răng Hàm Mũi	30/10/2025	07g30	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS331604	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
576	Khoa Răng Hàm Mũi	30/10/2025	07g30	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS331604	Trắc nghiệm	24.12: Lab 5	
577	Khoa Răng Hàm Mũi	30/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS331604	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
578	Khoa Răng Hàm Mũi	30/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM4 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM3	25121OS331604	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
579	Khoa Răng Hàm Mũi	31/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mũi I	OS3125	2	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2	25121OS312501	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
580	Khoa Răng Hàm Mũi	31/10/2025	07g30	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mũi I	OS3125	2	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2	25121OS312501	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
581	Khoa Răng Hàm Mũi	31/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mũi I	OS3125	2	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2	25121OS312501	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
582	Khoa Răng Hàm Mũi	31/10/2025	13g00	250	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mũi I	OS3125	2	KR23QWV-RM1 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM2	25121OS312501	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
583	Khoa Răng Hàm Mũi	31/10/2025	07g30	250	Dental Materials and Equipment	OS5097	3	KR23QWV-RM1	25121OS509701	Trắc nghiệm	23.7: Lab M6 Phòng Lâm Sàng	
584	Khoa Răng Hàm Mũi	31/10/2025	07g30	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM2 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM1	25121OS331502	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
585	Khoa Răng Hàm Mũi	31/10/2025	13g00	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM5	25121OS331503	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã BP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
586	Khoa Răng Hàm Mất	31/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3; 2512IOS315801 ghép với 2512IOS325804	2512IOS325804	Trắc nghiệm	23.5-1: Lab 3	
587	Khoa Răng Hàm Mất	31/10/2025	13g00	250	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3; 2512IOS315801 ghép với 2512IOS325804	2512IOS325804	Trắc nghiệm	23.5-2: Lab 3	
588	Khoa Răng Hàm Mất	31/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	2512IOS331603	Trắc nghiệm	24.12: Lab 5	
589	Khoa Răng Hàm Mất	31/10/2025	13g00	250	Vật liệu – thiết bị nha khoa	OS3316	3	KR23QWV-RM3 xếp cùng lịch LT với KR23QWV-RM4	2512IOS331603	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
590	Khoa Răng Hàm Mất	02/11/2025	07g30	250	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	KR24QWV-RM4	2512IOS331504	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
591	Khoa Răng Hàm Mất	02/11/2025	13g00	250	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	KR24QWV-RM4	2512IOS331504	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
592	Khoa Răng Hàm Mất	04/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS1	2512IOS312301	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
593	Khoa Răng Hàm Mất	04/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS1	2512IOS312301	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
594	Khoa Răng Hàm Mất	04/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS1	2512IOS312301	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
595	Khoa Răng Hàm Mất	04/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS3	2512IOS320403	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
596	Khoa Răng Hàm Mất	04/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS3	2512IOS320403	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
597	Khoa Răng Hàm Mất	04/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS3	2512IOS320403	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
598	Khoa Răng Hàm Mất	04/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS3	2512IOS320403	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
599	Khoa Răng Hàm Mất	05/11/2025	13g00	250	Dental photography	OS5072	2	OS21DHE-OS1	2512IOS507201	Trắc nghiệm	1.1-1 HHU Clinic lâm sàng 1	
600	Khoa Răng Hàm Mất	05/11/2025	13g00	250	Dental photography	OS5072	2	OS21DHE-OS1	2512IOS507201	Trắc nghiệm	1.1-2 HHU Clinic lâm sàng 1	
601	Khoa Răng Hàm Mất	05/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	2512IOS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
602	Khoa Răng Hàm Mất	05/11/2025	07g30	250	Public and Preventive Dentistry	OS5108	3	OS21DHE-OS1	2512IOS510801	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
603	Khoa Răng Hàm Mất	05/11/2025	07g30	250	Public and Preventive Dentistry	OS5108	3	OS21DHE-OS1	2512IOS510801	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
604	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS1	2512IOS312301	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
605	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS1	2512IOS312301	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
606	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS1	2512IOS312301	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
607	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS1	2512IOS312301	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
608	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	07g30	250	Clinical Developmental and Preventive Dentistry II	OS5052	1	OS20DHE-OS1	2512IOS505201	Thực hành	2.1-1: HHU Clinic lâm sàng 2	
609	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	07g30	250	Clinical Developmental and Preventive Dentistry II	OS5052	1	OS20DHE-OS1	2512IOS505201	Thực hành	2.1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	
610	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	2512IOS322101	Trắc nghiệm	1.1-1_HHU Clinic lâm sàng 1	
611	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	2512IOS322101	Trắc nghiệm	1.1-2_HHU Clinic lâm sàng 1	
612	Khoa Răng Hàm Mất	06/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	2512IOS322101	Trắc nghiệm	1.1-1_HHU Clinic lâm sàng 1	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
613	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mài	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS322101	Trắc nghiệm	1.1-2_HIU_Clinic lâm sàng I	
614	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	13g00	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM5 xếp cùng lịch LT với KR24QWV-RM3	25121OS331505	Trắc nghiệm	22.2-1_Giải phẫu răng Khoa RHM	
615	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10_Lab 3	
616	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10_Lab 3	
617	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10_Lab 3	
618	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10_Lab 3	
619	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM4 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM3	25121OS206404	Trắc nghiệm	BV/AB.RHM1- Bệnh viện An Bình	
620	Khoa Răng Hàm Mài	06/11/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM4 xếp LT cùng lịch với KR23QWV-RM3	25121OS206404	Trắc nghiệm	BV/AB.RHM2- Bệnh viện An Bình	
621	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	07g30	250	Clinical Restorative Dentistry III	OS5053	4	OS20DHE-OS1	25121OS505301	Thực hành	3.1-2_HIU_Clinic lâm sàng 3	
622	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	07g30	250	Clinical Restorative Dentistry III	OS5053	4	OS20DHE-OS1	25121OS505301	Thực hành	5.2-3_HIU_Clinic lâm sàng 6	
623	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mài	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS322101	Trắc nghiệm	1.1-1_HIU_Clinic lâm sàng I	
624	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mài	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS322101	Trắc nghiệm	1.1-2_HIU_Clinic lâm sàng I	
625	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mài	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS322101	Trắc nghiệm	1.1-1_HIU_Clinic lâm sàng I	
626	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mài	OS3221	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS322101	Trắc nghiệm	1.1-2_HIU_Clinic lâm sàng I	
627	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS4: 251210387801 ghép với 25121OS313004	25121OS313004	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
628	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS4: 251210387801 ghép với 25121OS313004	25121OS313004	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
629	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS4: 251210387801 ghép với 25121OS313004	25121OS313004	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
630	Khoa Răng Hàm Mài	07/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS3	25121OS313003	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
631	Khoa Răng Hàm Mặt	07/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
632	Khoa Răng Hàm Mặt	07/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
633	Khoa Răng Hàm Mặt	07/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
634	Khoa Răng Hàm Mặt	07/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS310801	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
635	Khoa Răng Hàm Mặt	07/11/2025	13g00	250	Nhổ răng (Phần 2)	03878	1	OS18DHB-OS1; 251210387801 ghép với 25121OS313004	251210387801	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
636	Khoa Răng Hàm Mặt	07/11/2025	13g00	250	Nhổ răng (Phần 2)	03878	1	OS18DHB-OS1; 251210387801 ghép với 25121OS313004	251210387801	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
637	Khoa Răng Hàm Mặt	07/11/2025	13g00	250	Nhổ răng (Phần 2)	03878	1	OS18DHB-OS1; 251210387801 ghép với 25121OS313004	251210387801	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
638	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS2	25121OS312302	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
639	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS2	25121OS312302	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
640	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS2	25121OS312302	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
641	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS2	25121OS312302	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
642	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS2	25121OS312302	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
643	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS2	25121OS312302	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
644	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS2	25121OS312302	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
645	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mặt	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-1_HIU Clinic lâm sàng I	
646	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mặt	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-2_HIU Clinic lâm sàng I	
647	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mặt	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-1_HIU Clinic lâm sàng I	
648	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mặt	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-2_HIU Clinic lâm sàng I	
649	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	07g30	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM4	25121OS331504	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
650	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	13g00	250	Giải phẫu răng I	OS3315	2	KR24QWV-RM4	25121OS331504	Trắc nghiệm	22.2-1: Giải phẫu răng Khoa RHM	
651	Khoa Răng Hàm Mặt	08/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3; 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS314803	Tự luận	23.4-1: Lab 2	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
652	Khoa Răng Hàm Mất	08/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS314803	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
653	Khoa Răng Hàm Mất	08/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS314803	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
654	Khoa Răng Hàm Mất	08/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
655	Khoa Răng Hàm Mất	08/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
656	Khoa Răng Hàm Mất	08/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
657	Khoa Răng Hàm Mất	08/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
658	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Implant dentistry	OS5105	3	OS21DHE-OS1	25121OS510501	Trắc nghiệm	23.4-1: Lab 2	
659	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Implant dentistry	OS5105	3	OS21DHE-OS1	25121OS510501	Trắc nghiệm	23.4-2: Lab 2	
660	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS2	25121OS315102	Thực hành lâm sàng	5.1-3: HIU Clinic Mô phỏng lâm sàng	
661	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS2	25121OS315102	Thực hành	3.1-1: HIU Clinic lâm sàng 3	
662	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS2	25121OS315102	Thực hành	2.1-3: HIU Clinic lâm sàng 2	
663	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS2	25121OS315102	Thực hành	3.1-2: HIU Clinic lâm sàng 3	
664	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS2	25121OS315102	Thực hành	3.1-2: HIU Clinic lâm sàng 3	
665	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS2	25121OS315102	Thực hành	3.1-1: HIU Clinic lâm sàng 3	
666	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS2	25121OS315102	Thực hành	2.1-3: HIU Clinic lâm sàng 2	
667	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS314803	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
668	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS314803	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
669	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329201	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
670	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329201	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
671	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329201	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
672	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329201	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
673	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS1	25121OS313801	Thực hành	5.2-3: HIU Clinic lâm sàng 7	
674	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS1	25121OS313801	Thực hành	5.2-1: HIU Clinic lâm sàng 7	
675	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS1	25121OS313801	Thực hành	5.2-1: HIU Clinic lâm sàng 7	
676	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS1	25121OS313801	Thực hành	5.2-2: HIU Clinic lâm sàng 7	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
677	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121.OS329703	Trắc nghiệm	23.6-1: Lab 4	
678	Khoa Răng Hàm Mất	10/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121.OS329703	Trắc nghiệm	23.6-2: Lab 4	
679	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121.OS329401	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
680	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121.OS329401	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
681	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3; 25121.OS390001 ghép với 25121.OS319903	25121.OS314803	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
682	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3; 25121.OS390001 ghép với 25121.OS319903	25121.OS314803	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
683	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3; 25121.OS390001 ghép với 25121.OS319903	25121.OS314803	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
684	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS3; 25121.OS390001 ghép với 25121.OS319903	25121.OS314803	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
685	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS3	25121.OS320403	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
686	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS3	25121.OS320403	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
687	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS3	25121.OS320403	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
688	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121.OS329202	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
689	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121.OS329202	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
690	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121.OS329202	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
691	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121.OS329202	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
692	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS1	25121.OS313801	Thực hành	5.2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
693	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS1	25121.OS313801	Thực hành	5.2-1: HHU Clinic lâm sàng 7	
694	Khoa Răng Hàm Mất	11/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS1	25121.OS313801	Thực hành	5.2-2: HHU Clinic lâm sàng 7	
695	Khoa Răng Hàm Mất	12/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121.OS329401	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
696	Khoa Răng Hàm Mất	12/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121.OS329401	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
697	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329402	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
698	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329402	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
699	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phức hợp I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	4.1-1: HHU Clinic lâm sàng 4	
700	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phức hợp I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	4.1-2: HHU Clinic lâm sàng 4	
701	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phức hợp I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	4.1-3: HHU Clinic lâm sàng 4	
702	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phức hợp I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	5.2-1: HHU Clinic lâm sàng 6	
703	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tư luận	23.4-1: Lab 2	
704	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tư luận	23.4-2: Lab 2	
705	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tư luận	23.4-1: Lab 2	
706	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tư luận	23.4-2: Lab 2	
707	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-1: Lab 2	
708	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-2: Lab 2	
709	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-1: Lab 2	
710	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-2: Lab 2	
711	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS329203	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
712	Khoa Răng Hàm Mài	12/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS329203	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Chú Chú
713	Khoa Răng Hàm Mất	12/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS329203	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
714	Khoa Răng Hàm Mất	12/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS329203	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
715	Khoa Răng Hàm Mất	12/11/2025	13g00	250	Prosthodontics I	OS5102	3	OS22DHE-OS1	25121OS510201	Trắc nghiệm	23.6-1: Lab 4	
716	Khoa Răng Hàm Mất	12/11/2025	13g00	250	Prosthodontics I	OS5102	3	OS22DHE-OS1	25121OS510201	Trắc nghiệm	23.6-2: Lab 4	
717	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Chứa răng	OS3139	2	OS21DHB-OS1; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS313901	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
718	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Chứa răng	OS3139	2	OS21DHB-OS1; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS313901	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
719	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Chứa răng	OS3294	4	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329402	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
720	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Chứa răng	OS3294	4	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329402	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
721	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-1_HIU.Clinic lâm sàng 1	
722	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-2_HIU.Clinic lâm sàng 1	
723	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-1_HIU.Clinic lâm sàng 1	
724	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS322102	Trắc nghiệm	1.1-2_HIU.Clinic lâm sàng 1	
725	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Internal Medicine	OS5094	3	KR23QW-A-RM1	25121OS509401	Trắc nghiệm	BV AB RHMZ: Bệnh viện An Bình	
726	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	4.1-1: HIU.Clinic lâm sàng 4	
727	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	4.1-2: HIU.Clinic lâm sàng 4	
728	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	4.1-3: HIU.Clinic lâm sàng 4	
729	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS319901	Thực hành	5.2-1: HIU.Clinic lâm sàng 6	
730	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	4.1-1: HIU.Clinic lâm sàng 4	
731	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	4.1-2: HIU.Clinic lâm sàng 4	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tỉm chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
732	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi 1	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	4.1-3: HIU/Clinic lâm sàng 4	
733	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi 1	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	5.2-1: HIU/Clinic lâm sàng 6	
734	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
735	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
736	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
737	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
738	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-1: Lab 2	
739	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-2: Lab 2	
740	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS31DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS31DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
741	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS31DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS31DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
742	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
743	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS31DHB-OS1	25121OS310802	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
744	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng 1	OS3292	2	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3	25121OS329204	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
745	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng 1	OS3292	2	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3	25121OS329204	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
746	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM4 xếp LT cùng lịch với KR23QWV- RM3	25121OS206404	Trắc nghiệm	BV/AB.RHM1: Bệnh viện An Bình	
747	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Nội Khoa	OS2064	3	KR23QWV-RM4 xếp LT cùng lịch với KR23QWV- RM3	25121OS206404	Trắc nghiệm	BV/AB.RHM3: Bệnh viện An Bình	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
748	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS329703	Trắc nghiệm	23.6-1: Lab 4	
749	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	07g30	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4	25121OS329703	Trắc nghiệm	23.6-2: Lab 4	
750	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3	25121OS329704	Trắc nghiệm	23.6-1: Lab 4	
751	Khoa Răng Hàm Mất	13/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3	25121OS329704	Trắc nghiệm	23.6-2: Lab 4	
752	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3139	2	OS21DHB-OS1; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS313901	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
753	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3139	2	OS21DHB-OS1; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS313901	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
754	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS329403	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
755	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS329403	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
756	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS329403	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
757	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS3 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS4; 25121OS329403 ghép với 25121OS313901	25121OS329403	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
758	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-1 HTU Clinic lâm sàng 1	
759	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-2 HTU Clinic lâm sàng 1	
760	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-1 HTU Clinic lâm sàng 1	
761	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-2 HTU Clinic lâm sàng 1	

SĐT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
762	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	4.1-1: HIU Clinic lâm sàng 4	
763	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	4.1-2: HIU Clinic lâm sàng 4	
764	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	4.1-3: HIU Clinic lâm sàng 4	
765	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS319902	Thực hành	5.2-1: HIU Clinic lâm sàng 6	
766	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3: có xếp cùng lịch LT 251210390001	25121OS319903	Thực hành	4.1-1: HIU Clinic lâm sàng 4	
767	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3: có xếp cùng lịch LT 251210390001	25121OS319903	Thực hành	4.1-2: HIU Clinic lâm sàng 4	
768	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3: có xếp cùng lịch LT 251210390001	25121OS319903	Thực hành	4.1-3: HIU Clinic lâm sàng 4	
769	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3: có xếp cùng lịch LT 251210390001	25121OS319903	Thực hành	5.2-1: HIU Clinic lâm sàng 6	
770	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
771	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS2 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS1	25121OS314802	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
772	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23.4-1: Lab 2	
773	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23.4-2: Lab 2	
774	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-1: Lab 2	
775	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3196	2	OS22DH-OS1: 251210390001 ghép với 25121OS319903	25121OS319601	Trắc nghiệm	23.4-2: Lab 2	
776	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
777	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
778	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
779	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
780	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329701	Trắc nghiệm	23.6-1: Lab 4	
781	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	07g30	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329701	Trắc nghiệm	23.6-2: Lab 4	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
782	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329701	Trắc nghiệm	23-6-1: Lab 4	
783	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS1 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS2	25121OS329701	Trắc nghiệm	23-6-2: Lab 4	
784	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Phục Hình Tháo Lắp Bán Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	4.1-1: HHU/Clinic làm sáng 4	
785	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Phục Hình Tháo Lắp Bán Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	4.1-2: HHU/Clinic làm sáng 4	
786	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Phục Hình Tháo Lắp Bán Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	4.1-3: HHU/Clinic làm sáng 4	
787	Khoa Răng Hàm Mất	14/11/2025	13g00	250	Phục Hình Tháo Lắp Bán Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	5.2-1: HHU/Clinic làm sáng 6	
788	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3	25121OS329404	Trắc nghiệm	24-8: Lab 1	
789	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Chưa răng	OS3294	4	OS22DH-OS4 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS3	25121OS329404	Trắc nghiệm	24-9: Lab 2	
790	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	13g00	250	Clinical Restorative Dentistry I	OS3242	2	OS21DHB-OS1	25121OS324201	Thực hành	4.1-1: HHU/Clinic làm sáng 4	
791	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	13g00	250	Clinical Restorative Dentistry I	OS3242	2	OS21DHB-OS1	25121OS324201	Thực hành	4.1-2: HHU/Clinic làm sáng 4	
792	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-1: HHU/Clinic làm sáng 1	
793	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-2: HHU/Clinic làm sáng 1	
794	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-1: HHU/Clinic làm sáng 1	
795	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	13g00	250	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	OS21DHB-OS3	25121OS322103	Trắc nghiệm	1.1-2: HHU/Clinic làm sáng 1	
796	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3; c6 lớp ghép với 251210390001	25121OS319903	Thực hành	4.1-1: HHU/Clinic làm sáng 4	
797	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3; c6 lớp ghép với 251210390001	25121OS319903	Thực hành	4.1-2: HHU/Clinic làm sáng 4	
798	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3; c6 lớp ghép với 251210390001	25121OS319903	Thực hành	4.1-3: HHU/Clinic làm sáng 4	
799	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3; c6 lớp ghép với 251210390001	25121OS319903	Thực hành	5.2-1: HHU/Clinic làm sáng 6	
800	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi I	OS3199	2	OS21DHB-OS3; c6 lớp ghép với 251210390001	25121OS319903	Thực hành	5.2-2: HHU/Clinic làm sáng 6	
801	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23-4-1: Lab 2	
802	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	07g30	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23-4-2: Lab 2	
803	Khoa Răng Hàm Mất	15/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23-4-1: Lab 2	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tỉm chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
804	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	13g00	250	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	OS21DHB-OS1 xếp cùng lịch LT OS21DHB-OS2	25121OS314801	Tự luận	23-4-2: Lab 2	
805	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
806	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
807	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
808	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	13g00	250	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	OS21DHB-OS3	25121OS310803	Trắc nghiệm	24.10: Lab 3	
809	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	13g00	250	Operative Dentistry	OS5100	4	OS22DHE-OS1	25121OS510001	Trắc nghiệm	24.8: Lab 1	
810	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	13g00	250	Operative Dentistry	OS5100	4	OS22DHE-OS1	25121OS510001	Trắc nghiệm	24.9: Lab 2	
811	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329702	Trắc nghiệm	23-6-1: Lab 4	
812	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329702	Trắc nghiệm	23-6-2: Lab 4	
813	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329702	Trắc nghiệm	23-6-1: Lab 4	
814	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	13g00	250	Phục hình răng I	OS3297	3	OS22DH-OS2 xếp cùng lịch LT với OS22DH-OS1	25121OS329702	Trắc nghiệm	23-6-2: Lab 4	
815	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Phục Hình Tháo Lắp Bàn Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	4.1-1: HIU Clinic lâm sàng 4	
816	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Phục Hình Tháo Lắp Bàn Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	4.1-2: HIU Clinic lâm sàng 4	
817	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Phục Hình Tháo Lắp Bàn Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	4.1-3: HIU Clinic lâm sàng 4	
818	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Phục Hình Tháo Lắp Bàn Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	5.2-1: HIU Clinic lâm sàng 6	
819	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Phục Hình Tháo Lắp Bàn Hàm (Phần 2)	03900	1	OS18DH-OS1, ghép với 25121OS319903	251210390001	Thực hành	5.2-2: HIU Clinic lâm sàng 6	
820	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Tooth Extraction – Oral Surgery I	OS5098	2	OS22DHE-OS1	25121OS509801	Trắc nghiệm	23.2-1: Lab 1	
821	Khoa Răng Hàm Mài	15/11/2025	07g30	250	Tooth Extraction – Oral Surgery I	OS5098	2	OS22DHE-OS1	25121OS509801	Trắc nghiệm	23.2-2: Lab 1	
822	Khoa Răng Hàm Mài	17/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS2	25121OS320402	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
823	Khoa Răng Hàm Mài	17/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS2	25121OS320402	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
824	Khoa Răng Hàm Mài	17/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS2	25121OS320402	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
825	Khoa Răng Hàm Mài	17/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS2	25121OS320402	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
826	Khoa Răng Hàm Mài	17/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS2	25121OS320402	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
827	Khoa Răng Hàm Mài	17/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS2	25121OS320402	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
828	Khoa Răng Hàm Mài	17/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS2	25121OS320402	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
829	Khoa Răng Hàm Mài	18/11/2025	13g00	250	Clinical Oral Maxillofacial Pathology and Surgery II	OS3240	2	OS20DHE-OS1	25121OS324001	Thực hành	2.1-2: HIU Clinic lâm sàng 2	
830	Khoa Răng Hàm Mài	18/11/2025	13g00	250	Clinical Oral Maxillofacial Pathology and Surgery II	OS3240	2	OS20DHE-OS1	25121OS324001	Thực hành	2.1-1: HIU Clinic lâm sàng 2	
831	Khoa Răng Hàm Mài	18/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS1	25121OS315101	Thực hành	5.1-1: HIU Clinic Mô phỏng lâm sàng	
832	Khoa Răng Hàm Mài	18/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS1	25121OS315101	Thực hành	5.1-2: HIU Clinic Mô phỏng lâm sàng	
833	Khoa Răng Hàm Mài	18/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS1	25121OS315101	Thực hành	5.1-3: HIU Clinic Mô phỏng lâm sàng	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Chú Chú
834	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS1	25121OS315101	Thực hành	5.1-1: HHU/Clinic Mô phỏng lâm sàng	
835	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS2	25121OS328302	Thực hành	3.1-1: HHU/Clinic lâm sàng 3	
836	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS2	25121OS328302	Thực hành	5.2-1: HHU/Clinic lâm sàng 6	
837	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS2	25121OS328302	Thực hành	2.1-2: HHU/Clinic lâm sàng 2	
838	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	07g30	250	Lâm sàng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS2	25121OS328302	Thực hành	3.1-2: HHU/Clinic lâm sàng 3	
839	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
840	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
841	Khoa Răng Hàm Mất	18/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
842	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS4; ghép với 25121OS313004	25121OS313004	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
843	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS4; ghép với 25121OS313004	25121OS313004	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
844	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS4; ghép với 25121OS313004	25121OS313004	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
845	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	OS3130	2	OS20DHB-OS4; ghép với 25121OS313004	25121OS313004	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
846	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng (Phần 2)	OS3878	1	OS18DHB-OS1; 251210387801 ghép với 25121OS313004	251210387801	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
847	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng (Phần 2)	OS3878	1	OS18DHB-OS1; 251210387801 ghép với 25121OS313004	251210387801	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
848	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng (Phần 2)	OS3878	1	OS18DHB-OS1; 251210387801 ghép với 25121OS313004	251210387801	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
849	Khoa Răng Hàm Mất	19/11/2025	13g00	250	Nhỏ răng (Phần 2)	OS3878	1	OS18DHB-OS1; 251210387801 ghép với 25121OS313004	251210387801	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
850	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS3	25121OS312303	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
851	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS4	25121OS312304	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
852	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS4	25121OS312304	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
853	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS3	25121OS312303	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
854	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS3	25121OS312303	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
855	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS4	25121OS312304	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
856	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS4	25121OS312304	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
857	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	07g30	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS3	25121OS312303	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
858	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS3	25121OS312303	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
859	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS4	25121OS312304	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
860	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS4	25121OS312304	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
861	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS3	25121OS312303	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
862	Khoa Răng Hàm Mất	21/11/2025	13g00	250	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	OS20DHB-OS3	25121OS312303	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
863	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Cần khớp hàm răng	OS3123	2	OS20DHB-OS4	25121OS312304	Trắc nghiệm	24.11: Lab 4	
864	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS3	25121OS315103	Thực hành	21-3: HHU Clinic lâm sàng 2	
865	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS3	25121OS315103	Thực hành	3-1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
866	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS3	25121OS315103	Thực hành	3-1-2: HHU Clinic lâm sàng 3	
867	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS3	25121OS315103	Thực hành	5-2-3: HHU Clinic lâm sàng 6	
868	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS3	25121OS315103	Thực hành	5-2-2: HHU Clinic lâm sàng 6	
869	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS3	25121OS315103	Thực hành	2-1-3: HHU Clinic lâm sàng 2	
870	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	3-1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
871	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	2-1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	
872	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	3-1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
873	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	4-1-1: HHU Clinic lâm sàng 4	
874	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	5-2-1: HHU Clinic lâm sàng 6	
875	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	2-1-1: HHU Clinic lâm sàng 2	
876	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	3-1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
877	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS1	25121OS328301	Thực hành	4-1-1: HHU Clinic lâm sàng 4	
878	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS2	25121OS313802	Thực hành	5-2-2: HHU Clinic lâm sàng 7	
879	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS2	25121OS313802	Thực hành	5-2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
880	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS2	25121OS313802	Thực hành	5-2-1: HHU Clinic lâm sàng 7	
881	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS2	25121OS313802	Thực hành	5-2-1: HHU Clinic lâm sàng 7	
882	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS2	25121OS313802	Thực hành	5-2-1: HHU Clinic lâm sàng 7	
883	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS2	25121OS313802	Thực hành	5-2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
884	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS2	25121OS313802	Thực hành	5-2-1: HHU Clinic lâm sàng 7	
885	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Special Needs Dentistry	OS5054	1	OS20DHB-OS1	25121OS505401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
886	Khoa Răng Hàm Mài	21/11/2025	13g00	250	Special Needs Dentistry	OS5054	1	OS20DHB-OS1	25121OS505401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
887	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS1	25121OS315101	Thực hành	5-1-1: HHU Clinic Mô phỏng lâm sàng	
888	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS1	25121OS315101	Thực hành	5-1-2: HHU Clinic Mô phỏng lâm sàng	
889	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa dự phòng và phát triển II	OS3151	1	OS20DHB-OS1	25121OS315101	Thực hành	5-1-1: HHU Clinic Mô phỏng lâm sàng	
890	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS3	25121OS328303	Thực hành	2-1-3: HHU Clinic lâm sàng 2	
891	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS4	25121OS328304	Thực hành	2-1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	
892	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS4	25121OS328304	Thực hành	3-1-1: HHU Clinic lâm sàng 3	
893	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS3	25121OS328303	Thực hành	4-1-3: HHU Clinic lâm sàng 4	
894	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS3	25121OS328303	Thực hành	5-2-3: HHU Clinic lâm sàng 6	
895	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS4	25121OS328304	Thực hành	3-1-2: HHU Clinic lâm sàng 3	
896	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS4	25121OS328304	Thực hành	4-1-3: HHU Clinic lâm sàng 4	
897	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS3	25121OS328303	Thực hành	3-1-3: HHU Clinic lâm sàng 3	
898	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS3	25121OS328303	Thực hành	2-1-3: HHU Clinic lâm sàng 2	
899	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS2	25121OS328302	Thực hành	5-2-2: HHU Clinic lâm sàng 6	
900	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS4	25121OS328304	Thực hành	4-1-3: HHU Clinic lâm sàng 4	
901	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS4	25121OS328304	Thực hành	5-2-2: HHU Clinic lâm sàng 6	
902	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS2	25121OS328302	Thực hành	3-1-3: HHU Clinic lâm sàng 3	
903	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS3	25121OS328303	Thực hành	4-1-3: HHU Clinic lâm sàng 4	
904	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS2	25121OS328302	Thực hành	4-1-1: HHU Clinic lâm sàng 4	
905	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Làm răng nha khoa phục hồi III	OS3283	4	OS20DHB-OS4	25121OS328304	Thực hành	2-1-2: HHU Clinic lâm sàng 2	
906	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
907	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
908	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
909	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
910	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	13g00	250	Nha khoa chăm sóc đặc biệt	OS3204	1	OS20DHB-OS1	25121OS320401	Thực hành	TH tại Bệnh viện Ung Bướu	
911	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS3	25121OS313803	Thực hành	5-2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
912	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS3	25121OS313803	Thực hành	5-2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	
913	Khoa Răng Hàm Mài	22/11/2025	07g30	250	Phẫu thuật miệng và hàm mặt	OS3138	2	OS20DHB-OS3	25121OS313803	Thực hành	5-2-3: HHU Clinic lâm sàng 7	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
914	Khoa Răng Hàm Mất	22/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS30DHB-OS3	25121OS313803	Thực hành	5.2-1: HIU Clinic lâm sàng 7	
915	Khoa Răng Hàm Mất	22/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS3	25121OS313803	Thực hành	5.2-2: HIU Clinic lâm sàng 7	
916	Khoa Răng Hàm Mất	22/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS20DHB-OS3	25121OS313803	Thực hành	5.2-3: HIU Clinic lâm sàng 7	
917	Khoa Răng Hàm Mất	22/11/2025	13g00	250	Phẫu thuật miệng và hàm mất	OS3138	2	OS30DHB-OS3	25121OS313803	Thực hành	5.2-3: HIU Clinic lâm sàng 7	
918	Khoa Răng Hàm Mất	24/11/2025	07g30	250	Anh văn 1	GE1017	3	KR25QWV-RM4-1; KC25QWV-KW1; KC25QWV-CS1	25121GE101702	Vấn đáp	ON.29- ON.29	
919	Khoa Răng Hàm Mất	24/11/2025	07g30	250	Anh văn 1	GE1017	3	KR25QWV-RM4-2	25121GE101708	Vấn đáp	14.2B: Onltime	
920	Khoa Răng Hàm Mất	24/11/2025	07g30	250	Anh văn 1	GE1017	3	KR25QWV-RM4-3	25121GE101709	Vấn đáp	12.2B: Online	
921	Khoa Răng Hàm Mất	26/11/2025	13g00	250	Anh văn 1	GE1017	3	KR25QWV-RM3-1	25121GE101701	Vấn đáp	15.2C: Online	
922	Khoa Răng Hàm Mất	26/11/2025	13g00	250	Anh văn 1	GE1017	3	KR25QWV-RM3-2	25121GE101707	Vấn đáp	ON.45: Online 45	
923	Khoa Xét Nghiệm Y Học	09/10/2025	13g00		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX2	25121ML301602	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
924	Khoa Xét Nghiệm Y Học	09/10/2025	13g50		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX2	25121ML301602	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
925	Khoa Xét Nghiệm Y Học	09/10/2025	15g00		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX2	25121ML301602	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
926	Khoa Xét Nghiệm Y Học	09/10/2025	15g50		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX2	25121ML301602	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
927	Khoa Xét Nghiệm Y Học	10/10/2025	07g30		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX1	25121ML301601	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
928	Khoa Xét Nghiệm Y Học	10/10/2025	08g20		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX1	25121ML301601	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
929	Khoa Xét Nghiệm Y Học	10/10/2025	09g10		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX1	25121ML301601	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
930	Khoa Xét Nghiệm Y Học	10/10/2025	10g00		Thực hành đông máu và truyền máu	ML3016	2	KX23QWV-KX1	25121ML301601	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYYH	
931	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	13g00		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX2	25121ML303002	Thực hành	C-002.2: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
932	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	13g00		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX2	25121ML303002	Thực hành	C-002.1: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
933	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	13g50		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX2	25121ML303002	Thực hành	C-002.2: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
934	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	13g50		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX2	25121ML303002	Thực hành	C-002.1: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
935	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	15g00		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX1	25121ML303001	Thực hành	C-002.2: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
936	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	15g00		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX1	25121ML303001	Thực hành	C-002.1: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
937	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	15g50		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX1	25121ML303001	Thực hành	C-002.1: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
938	Khoa Xét Nghiệm Y Học	11/10/2025	15g50		Thực hành Vi nấm y học	ML3030	2	KX23QWV-KX1	25121ML303001	Thực hành	C-002.2: TH Ký sinh 1 Khoa XNYYH	
939	Khoa Xét Nghiệm Y Học	22/10/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	ML3063	3	XN22DH-XN1	25121ML306301	Thực hành	C-001.1: TH Vi sinh 1 Khoa XNYYH	
940	Khoa Xét Nghiệm Y Học	22/10/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	ML3063	3	XN22DH-XN2	25121ML306302	Thực hành	C-001.2: TH Vi sinh 1 Khoa XNYYH	
941	Khoa Xét Nghiệm Y Học	23/10/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	ML3063	3	XN22DH-XN2	25121ML306302	Thực hành	C-014.1: TH Vi sinh 2 Khoa XNYYH	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
942	Khoa Xét Nghiệm Y Học	23/10/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	ML3063	3	XN22DH-XN2	25121ML306302	Thực hành	C-014.2: TH Vi sinh 2 Khoa XNYH	
943	Khoa Xét Nghiệm Y Học	25/10/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	ML3063	3	XN22DH-XN1	25121ML306301	Thực hành	C-014.2: TH Vi sinh 2 Khoa XNYH	
944	Khoa Xét Nghiệm Y Học	25/10/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	ML3063	3	XN22DH-XN1	25121ML306301	Thực hành	C-014.1: TH Vi sinh 2 Khoa XNYH	
945	Khoa Xét Nghiệm Y Học	04/11/2025	07g30	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX2	25121ML300902	Thực hành	C-001.1: TH Vi sinh 1 Khoa XNYH	
946	Khoa Xét Nghiệm Y Học	04/11/2025	07g30	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX2	25121ML300902	Thực hành	C-001.2: TH Vi sinh 1 Khoa XNYH	
947	Khoa Xét Nghiệm Y Học	04/11/2025	13g00	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX2	25121ML300902	Thực hành	C-014.2: TH Vi sinh 2 Khoa XNYH	
948	Khoa Xét Nghiệm Y Học	04/11/2025	13g00	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX2	25121ML300902	Thực hành	C-014.1: TH Vi sinh 2 Khoa XNYH	
949	Khoa Xét Nghiệm Y Học	05/11/2025	07g30	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX1	25121ML300901	Thực hành	C-001.1: TH Vi sinh 1 Khoa XNYH	
950	Khoa Xét Nghiệm Y Học	05/11/2025	07g30	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX1	25121ML300901	Thực hành	C-001.2: TH Vi sinh 1 Khoa XNYH	
951	Khoa Xét Nghiệm Y Học	05/11/2025	13g00	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX1	25121ML300901	Thực hành	C-001.1: TH Vi sinh 1 Khoa XNYH	
952	Khoa Xét Nghiệm Y Học	05/11/2025	13g00	250	Thực hành Vi sinh Y học	ML3009	2	KX23QWV-KX1	25121ML300901	Thực hành	C-001.2: TH Vi sinh 1 Khoa XNYH	
953	Khoa Xét Nghiệm Y Học	12/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	ML3065	3	XN22DH-XN1	25121ML306501	Thực hành	C-101.2: TH Huyết học 1 Khoa XNYH	
954	Khoa Xét Nghiệm Y Học	12/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	ML3065	3	XN22DH-XN1	25121ML306501	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYH	
955	Khoa Xét Nghiệm Y Học	12/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Ký sinh	ML3064	3	XN22DH-XN2	25121ML306402	Thực hành	C-002.1: TH Ký sinh 1 Khoa XNYH	
956	Khoa Xét Nghiệm Y Học	12/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Ký sinh	ML3064	3	XN22DH-XN2	25121ML306402	Thực hành	C-002.2: TH Ký sinh 1 Khoa XNYH	
957	Khoa Xét Nghiệm Y Học	13/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	ML3039	2	XN21DH-XN1	25121ML303901	Thực hành	C-003.1: TH Hóa sinh 1 Khoa XNYH	
958	Khoa Xét Nghiệm Y Học	13/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	ML3039	2	XN21DH-XN1	25121ML303901	Thực hành	C-003.2: TH Hóa sinh 1 Khoa XNYH	
959	Khoa Xét Nghiệm Y Học	13/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	ML3062	3	XN22DH-XN1	25121ML306201	Thực hành	C-003.1: TH Hóa sinh 1 Khoa XNYH	
960	Khoa Xét Nghiệm Y Học	13/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	ML3062	3	XN22DH-XN1	25121ML306201	Thực hành	C-003.2: TH Hóa sinh 1 Khoa XNYH	
961	Khoa Xét Nghiệm Y Học	13/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	ML3065	3	XN22DH-XN2	25121ML306502	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYH	
962	Khoa Xét Nghiệm Y Học	13/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	ML3065	3	XN22DH-XN2	25121ML306502	Thực hành	C-101.2: TH Huyết học 1 Khoa XNYH	
963	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	ML3062	3	XN22DH-XN2	25121ML306202	Thực hành	C-003.1: TH Hóa sinh 1 Khoa XNYH	
964	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	ML3062	3	XN22DH-XN2	25121ML306202	Thực hành	C-003.2: TH Hóa sinh 1 Khoa XNYH	
965	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	ML3065	3	XN22DH-XN2	25121ML306502	Thực hành	C-101.2: TH Huyết học 1 Khoa XNYH	
966	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	ML3065	3	XN22DH-XN1	25121ML306501	Thực hành	C-101.1: TH Huyết học 1 Khoa XNYH	
967	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Ký sinh	ML3043	2	XN21DH-XN1	25121ML304301	Thực hành	C-013.1: TH Ký sinh 2 Khoa XNYH	
968	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Ký sinh	ML3043	2	XN21DH-XN1	25121ML304301	Thực hành	C-013.2: TH Ký sinh 2 Khoa XNYH	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
969	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên khoa Kỹ sinh	ML3064	3	XN22DH-XN1	25121ML306401	Thực hành	C-013.1: TH Kỹ sinh 2 Khoa XNYYH	
970	Khoa Xét Nghiệm Y Học	14/11/2025	07g30	250	Định hướng cơ bản chuyên Khoa Kỹ sinh	ML3064	3	XN22DH-XN1	25121ML306401	Thực hành	C-013.2: TH Kỹ sinh 2 Khoa XNYYH	
971	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV.TN.Y.1: BV Thống Nhất TP HCM	
972	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV.TN.Y.2: BV Thống Nhất TP HCM	
973	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.3: BV Nguyễn Trí Phương	
974	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.4: BV Nguyễn Trí Phương	
975	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD326002	Trắc nghiệm	BV.ND1.Y.1: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
976	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD326002	Trắc nghiệm	BV.ND1.Y.2: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
977	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.1: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
978	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.1: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
979	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.2: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
980	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.3: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
981	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.3: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
982	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.3: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
983	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.4: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
984	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y.4: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
985	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Paediatrics III	MD3023	3	MD20DHE-MD1	25121MD302301	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y.1: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
986	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Paediatrics III	MD3023	3	MD20DHE-MD1	25121MD302301	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y.1: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
987	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Paediatrics III	MD3023	3	MD20DHE-MD1	25121MD302301	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y.2: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
988	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Paediatrics III	MD3023	3	MD20DHE-MD1	25121MD302301	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y.2: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
989	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phu sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y.1: Bệnh viện Hùng Vương	
990	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phu sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y.1: Bệnh viện Hùng Vương	
991	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phu sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y.2: Bệnh viện Hùng Vương	
992	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phu sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y.2: Bệnh viện Hùng Vương	
993	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phu sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y.3: Bệnh viện Hùng Vương	
994	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phu sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y.3: Bệnh viện Hùng Vương	
995	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phu sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y.4: Bệnh viện Hùng Vương	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Chi Chú
996	Khoa Y	12/09/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV HV Y4: Bệnh viện Hùng Vương	
997	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD2	25121MD326702	Trắc nghiệm	BV DL Y2: Bệnh viện Da Liễu	
998	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD2	25121MD326702	Trắc nghiệm	BV DL Y3: Bệnh viện Da Liễu	
999	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD2	25121MD326702	Trắc nghiệm	BV DL Y4: Bệnh viện Da Liễu	
1000	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD1	25121MD326701	Trắc nghiệm	BV DL Y1: Bệnh viện Da Liễu	
1001	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Odonto stomatology	MD3027	2	MD21DHE-MD1	25121MD302701	Trắc nghiệm	BV UB2 Y1: BV Ung Bướu 2	
1002	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Odonto stomatology	MD3027	2	MD21DHE-MD2	25121MD302702	Trắc nghiệm	5.2-1: HIU Clinic lâm sàng 7	
1003	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Odonto stomatology	MD3027	2	MD21DHE-MD2	25121MD302702	Trắc nghiệm	5.2-2: HIU Clinic lâm sàng 7	
1004	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Odonto stomatology	MD3027	2	MD21DHE-MD1	25121MD302701	Trắc nghiệm	BV DKTD Y6: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1005	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD3	25121MD326803	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1006	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD3	25121MD326803	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1007	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD3	25121MD326803	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1008	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD3	25121MD326803	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1009	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD3	25121MD326203	Trắc nghiệm	BV TN Y11: BV Thống Nhất TP HCM	
1010	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD3	25121MD326203	Trắc nghiệm	BV TN Y12: BV Thống Nhất TP HCM	
1011	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD3	25121MD326203	Trắc nghiệm	BV YHCT Y1: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1012	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD3	25121MD326203	Trắc nghiệm	BV YHCT Y2: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1013	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD2	25121MD326202	Trắc nghiệm	BV YHCT Y1: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1014	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD2	25121MD326202	Trắc nghiệm	BV YHCT Y2: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1015	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD3	25121MD326203	Trắc nghiệm	BV TN Y9: BV Thống Nhất TP HCM	
1016	Khoa Y	26/09/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD3	25121MD326203	Trắc nghiệm	BV TN Y10: BV Thống Nhất TP HCM	
1017	Khoa Y	03/10/2025	13g00	200	Emergency	MD3312	2	MD21DHE-MD2	25121MD331201	Trắc nghiệm	BV TrVũ Y12: Bệnh viện Trưng Vương	
1018	Khoa Y	07/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325402	Trắc nghiệm	BV TN Y11: BV Thống Nhất TP HCM	
1019	Khoa Y	07/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325402	Trắc nghiệm	BV TN Y2: BV Thống Nhất TP HCM	
1020	Khoa Y	07/10/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV UB2 Y6: BV Ung Bướu 2	
1021	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD3	25121MD326703	Trắc nghiệm	BV DL Y3: Bệnh viện Da Liễu	
1022	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD3	25121MD326703	Trắc nghiệm	BV DL Y4: Bệnh viện Da Liễu	
1023	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD2	25121MD326702	Trắc nghiệm	BV DL Y1: Bệnh viện Da Liễu	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1024	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Da liễu	MD3267	2	MD21IDH-MD2	25121MD326702	Trắc nghiệm	BV.DL.Y2: Bệnh viện Da Liễu	
1025	Khoa Y	10/10/2025	13g00	200	Emergency	MD3312	2	MD21DHE-MD2	25121MD331201	Trắc nghiệm	BV.TV.Y12: Bệnh viện Trưng Vương	
1026	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325402	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.5: BV Nguyễn Trí Phương	
1027	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325402	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.6: BV Nguyễn Trí Phương	
1028	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD3-2	25121MD325402	Trắc nghiệm	BV.TN.Y.1: BV Thống Nhất TP HCM	
1029	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325402	Trắc nghiệm	BV.TN.Y.2: BV Thống Nhất TP HCM	
1030	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.ND1.Y1: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1031	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.ND1.Y2: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1032	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y1: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1033	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y2: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1034	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y1: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1035	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y2: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1036	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y3: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1037	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DH-MD1; MD20DH-MD3-1	25121MD325101	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y4: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1038	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Obstetrics and gynaecology III	MD3020	3	MD20DHE-MD1	25121MD302001	Trắc nghiệm	BV.TD.Y3: Bệnh viện Từ Dũ	
1039	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Obstetrics and gynaecology III	MD3020	3	MD20DHE-MD1	25121MD302001	Trắc nghiệm	BV.TD.Y4: Bệnh viện Từ Dũ	
1040	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y3: Bệnh viện Hùng Vương	
1041	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20DH-MD2; MD20DH-MD3-2	25121MD325702	Trắc nghiệm	BV.HV.Y4: Bệnh viện Hùng Vương	
1042	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21IDH-MD1	25121MD326401	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y1: BV Ung Bướu	
1043	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21IDH-MD1	25121MD326401	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y2: BV Ung Bướu	
1044	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21IDH-MD1	25121MD326401	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y7: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1045	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21IDH-MD1	25121MD326401	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y8: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1046	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Rehabilitation	MD3031	2	MD21DHE-MD1	25121MD303101	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1047	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Rehabilitation	MD3031	2	MD21DHE-MD1	25121MD303101	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1048	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Ung thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD2	25121MD227402	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y4: BV Ung Bướu	
1049	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Ung thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD2	25121MD227402	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y5: BV Ung Bướu	
1050	Khoa Y	10/10/2025	07g30	200	Ung thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD2	25121MD227402	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y6: BV Ung Bướu	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1051	Khoa Y	10/10/2025	13g00	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD1	25121MD227401	Trắc nghiệm	BV/UB2.Y1: BV Ứng Bướu	
1052	Khoa Y	10/10/2025	13g00	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD1	25121MD227401	Trắc nghiệm	BV/UB2.Y2: BV Ứng Bướu	
1053	Khoa Y	10/10/2025	13g00	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD1	25121MD227401	Trắc nghiệm	BV/DKTD.Y1: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1054	Khoa Y	10/10/2025	13g00	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD1	25121MD227401	Trắc nghiệm	BV/DKTD.Y2: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1055	Khoa Y	10/10/2025	13g00	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD1	25121MD227401	Trắc nghiệm	BV/UB2.Y3: BV Ứng Bướu	
1056	Khoa Y	13/10/2025	07g30	250	Triền lâm sàng II	MD3359	1	KY23QWV.YC1	25121MD335901	Thực hành	11.6: TH Triền lâm sàng 2	
1057	Khoa Y	13/10/2025	07g30	250	Triền lâm sàng II	MD3359	1	KY23QWV.YC1	25121MD335901	Thực hành	11.6: TH Triền lâm sàng 2	
1058	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV/NTP.Y.4: BV Nguyễn Trí Phương	
1059	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV/TNBN.Y3: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1060	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV/TrV.Y10: Bệnh viện Trưng Vương	
1061	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV/NTP.Y.3: BV Nguyễn Trí Phương	
1062	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3, MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV/NTP.Y.8: BV Nguyễn Trí Phương	
1063	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV/TNBN.Y8: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1064	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV/TrVu.Y3: Bệnh viện Trưng Vương	
1065	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV/NTP.Y.7: BV Nguyễn Trí Phương	
1066	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3, MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV/ND1.Y3: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1067	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TNBN.Y1: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1068	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TNBN.Y2: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1069	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TrVu.Y1: Bệnh viện Trưng Vương	
1070	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TrVu.Y2: Bệnh viện Trưng Vương	
1071	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TNBN.Y6: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1072	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TNBN.Y7: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1073	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TrVu.Y10: Bệnh viện Trưng Vương	
1074	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2, MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV/TrVu.Y11: Bệnh viện Trưng Vương	
1075	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Paediatrics I (Practice)	MD3076	2	MD22DHE-MD1	25121MD307601	Vấn đáp	BV/ND1.Y4: Bệnh viện Nhi Đồng 1	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tìm chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1076	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Paediatrics I (Practice)	MD3076	2	MD22DHE-MD1	25121MD307601	Vấn đáp	BV/NĐTP.Y3: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1077	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Paediatrics I (Practice)	MD3076	2	MD22DHE-MD1	25121MD307601	Vấn đáp	BV/NĐTP.Y4: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1078	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV/HV.Y1: Bệnh viện Hùng Vương	
1079	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV/HV.Y2: Bệnh viện Hùng Vương	
1080	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV/TNBN.Y4: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1081	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV/TNBN.Y5: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1082	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV/HV.Y7: Bệnh viện Hùng Vương	
1083	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV/TNBN.9: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1084	Khoa Y	17/10/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV/TNBN.10: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1085	Khoa Y	23/10/2025	13g00	250	Y học cổ truyền cơ sở	YC3022	2	K.Y23QWV-YC1	25121YC302201	Trắc nghiệm	20.11: Huân luyện YHCT 2	
1086	Khoa Y	23/10/2025	13g00	250	Y học cổ truyền cơ sở	YC3022	2	K.Y23QWV-YC1	25121YC302201	Trắc nghiệm	11.8: Phòng Huân luyện Y học cổ truyền	
1087	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Dạ liệu	MD3267	2	MD21DH-MD3	25121MD326703	Trắc nghiệm	BV/DL.Y1: Bệnh viện Đa Liệu	
1088	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Dạ liệu	MD3267	2	MD21DH-MD3	25121MD326703	Trắc nghiệm	BV/DL.Y2: Bệnh viện Đa Liệu	
1089	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Dạ liệu	MD3267	2	MD21DH-MD3	25121MD326703	Trắc nghiệm	BV/DL.Y3: Bệnh viện Đa Liệu	
1090	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Dạ liệu	MD3267	2	MD21DH-MD3	25121MD326703	Trắc nghiệm	BV/DL.Y4: Bệnh viện Đa Liệu	
1091	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DH-MD1	25121MD326801	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1092	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DH-MD1	25121MD326801	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1093	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DH-MD1	25121MD326801	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1094	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DH-MD1	25121MD326801	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1095	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD2	25121MD326402	Trắc nghiệm	BV/DK.TD.Y6: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1096	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD2	25121MD326402	Trắc nghiệm	BV/DK.TD.Y7: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1097	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD2	25121MD326402	Trắc nghiệm	BV/UB2.Y4: BV Ung Bướu	
1098	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD1	25121MD326401	Trắc nghiệm	BV/UB2.Y1: BV Ung Bướu	
1099	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Traditional medicine	MD3025	2	MD21DHE-MD1	25121MD302501	Trắc nghiệm	BV.YHCT.Y1: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1100	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Traditional medicine	MD3025	2	MD21DHE-MD1	25121MD302501	Trắc nghiệm	BV.YHCT.Y2: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1101	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Ung thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV/UB2.Y7: BV Ung Bướu	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1102	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm 2	BV.UB2.Y8: BV Ứng Bướu 2	
1103	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD2	25121MD227402	Trắc nghiệm 2	BV.UB2.Y5: BV Ứng Bướu 2	
1104	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD2	25121MD227402	Trắc nghiệm 2	BV.UB2.Y6: BV Ứng Bướu 2	
1105	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm 2	BV.UB2.Y9: BV Ứng Bướu 2	
1106	Khoa Y	24/10/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21IDH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm 2	BV.UB2.Y10: BV Ứng Bướu 2	
1107	Khoa Y	31/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I	MD3248	3	YC22DH-YC1	25121MD324801	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.1: BV Nguyễn Tr. Phương	
1108	Khoa Y	31/10/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I	MD3248	3	YC22DH-YC1	25121MD324801	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.2: BV Nguyễn Tr. Phương	
1109	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Dermatology	MD3030	2	MD21DHE-MD1	25121MD303001	Trắc nghiệm	BV.DL.Y1: Bệnh viện Da Liễu	
1110	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Dermatology	MD3030	2	MD21DHE-MD2	25121MD303002	Trắc nghiệm	BV.DL.Y3: Bệnh viện Da Liễu	
1111	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Dermatology	MD3030	2	MD21DHE-MD2	25121MD303002	Trắc nghiệm	BV.DL.Y4: Bệnh viện Da Liễu	
1112	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Dermatology	MD3030	2	MD21DHE-MD1	25121MD303001	Trắc nghiệm	BV.DL.Y2: Bệnh viện Da Liễu	
1113	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.ND1.Y1: Bệnh viện Nhi Đăng 1	
1114	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.ND1.Y2: Bệnh viện Nhi Đăng 1	
1115	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y1: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1116	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD326001	Trắc nghiệm	BV.NDTP.Y2: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1117	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DDH-MD2; MD20DDH-MD3-2	25121MD325102	Trắc nghiệm	BV.DKTD.Y1: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1118	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DDH-MD2; MD20DDH-MD3-2	25121MD325102	Trắc nghiệm	BV.DKTD.Y2: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1119	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DDH-MD2; MD20DDH-MD3-2	25121MD325102	Trắc nghiệm	BV.DKTD.Y3: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1120	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20DDH-MD2; MD20DDH-MD3-2	25121MD325102	Trắc nghiệm	BV.DKTD.Y4: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1121	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV.HV.Y3: Bệnh viện Hùng Vương	
1122	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV.HV.Y4: Bệnh viện Hùng Vương	
1123	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV.HV.Y5: Bệnh viện Hùng Vương	
1124	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20DDH-MD1; MD20DDH-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV.HV.Y6: Bệnh viện Hùng Vương	
1125	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD2	25121MD326802	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1126	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD2	25121MD326802	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1127	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD2	25121MD326802	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1128	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21IDH-MD1	25121MD326801	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1129	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD3	25121MD326403	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y7: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1130	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD3	25121MD326403	Trắc nghiệm	BV.DK.TD.Y8: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1131	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD2	25121MD326402	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y1: BV Ung Bướu	
1132	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DH-MD2	25121MD326402	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y2: BV Ung Bướu	
1133	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Surgery III	MD3017	3	MD20DHE-MD1	25121MD301701	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.5: BV Nguyễn Trí Phương	
1134	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Surgery III	MD3017	3	MD20DHE-MD1	25121MD301701	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.6: BV Nguyễn Trí Phương	
1135	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y3: BV Ung Bướu	
1136	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y4: BV Ung Bướu	
1137	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y5: BV Ung Bướu	
1138	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y7: BV Ung Bướu	
1139	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y8: BV Ung Bướu	
1140	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y9: BV Ung Bướu	
1141	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Ứng thư đại cương	MD2274	2	MD21DH-MD3	25121MD227403	Trắc nghiệm	BV.UB2.Y10: BV Ung Bướu	
1142	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21DH-MD1	25121MD326201	Trắc nghiệm	BV.YHCT.Y1: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1143	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21DH-MD1	25121MD326201	Trắc nghiệm	BV.YHCT.Y2: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1144	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21DH-MD1	25121MD326201	Trắc nghiệm	BV.TN.Y.11: BV Thông Nhất TP HCM	
1145	Khoa Y	07/11/2025	07g30	200	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21DH-MD1	25121MD326201	Trắc nghiệm	BV.TN.Y.12: BV Thông Nhất TP HCM	
1146	Khoa Y	10/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YC1	25121MD324201	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng I	
1147	Khoa Y	12/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK1	25121MD324203	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng I	
1148	Khoa Y	12/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK1	25121MD324203	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng I	
1149	Khoa Y	13/11/2025	13g00	250	Chăm cứu học I	YC3017	3	KY23QWV-YC1	25121YC301701	Trắc nghiệm	20.11: Học Thuyết YHCT 2	
1150	Khoa Y	13/11/2025	13g00	250	Chăm cứu học I	YC3017	3	KY23QWV-YC1	25121YC301701	Trắc nghiệm	11.8: Phòng Huấn luyện Y học cổ truyền	
1151	Khoa Y	13/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK3	25121MD324205	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1152	Khoa Y	13/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK2	25121MD324204	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng I	
1153	Khoa Y	13/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK2	25121MD324204	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng I	
1154	Khoa Y	13/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK3	25121MD324205	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1155	Khoa Y	14/11/2025	07g30	200	Internal Medicine I (Practice)	MD3116	2	MD22DHE-MD1	25121MD311601	Vấn đáp	BV.TNBN.Y2: BV Đa khoa Thông Nhất - Đồng Nai	
1156	Khoa Y	14/11/2025	07g30	200	Internal Medicine I (Practice)	MD3116	2	MD22DHE-MD1	25121MD311601	Vấn đáp	BV.TrV.Y10: Bệnh viện Trưng Vương	
1157	Khoa Y	14/11/2025	07g30	200	Internal Medicine I (Practice)	MD3116	2	MD22DHE-MD1	25121MD311601	Vấn đáp	BV.TrV.Y11: Bệnh viện Trưng Vương	
1158	Khoa Y	14/11/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-I	25121MD306402	Vấn đáp	BV.TNBN.Y3: BV Đa khoa Thông Nhất - Đồng Nai	

Handwritten mark

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1159	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV.Tr.Vu.Y1: Bệnh viện Trưng Vương	
1160	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV.NTP.Y.3: BV Nguyễn Trĩ Phương	
1161	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV.NTP.Y.4: BV Nguyễn Trĩ Phương	
1162	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV.TNBN.Y6: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1163	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV.Tr.Vu.Y2: Bệnh viện Trưng Vương	
1164	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV.NTP.Y.7: BV Nguyễn Trĩ Phương	
1165	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD306402	Vấn đáp	BV.NTP.Y.8: BV Nguyễn Trĩ Phương	
1166	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.ND1.Y3: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1167	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.ND1.Y4: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1168	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.NDTP.Y3: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1169	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.NDTP.Y4: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1170	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.ND1.Y5: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1171	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.NDTP.Y5: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1172	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.NDTP.Y6: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1173	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TNBN.Y1: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1174	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nội bệnh lý II	MD3300	2	YC22DH-YC1	25121MD330001	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.1: BV Nguyễn Trĩ Phương	
1175	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Nội bệnh lý II	MD3300	2	YC22DH-YC1	25121MD330001	Trắc nghiệm	BV.NTP.Y.2: BV Nguyễn Trĩ Phương	
1176	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV.TNBN.Y5: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1177	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV.Y1: Bệnh viện Hùng Vương	
1178	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV.Y2: Bệnh viện Hùng Vương	
1179	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.TNBN.Y4: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1180	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV.TNBN.Y8: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1181	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV.Y7: Bệnh viện Hùng Vương	
1182	Khoa Y	14/1/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV.Y8: Bệnh viện Hùng Vương	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1183	Khoa Y	14/11/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DDH-MD2; MD22DDH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV/THNHN-Y7; BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1184	Khoa Y	14/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK4	25121MD324206	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng 1	
1185	Khoa Y	14/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YC2	25121MD324202	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1186	Khoa Y	14/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK4	25121MD324206	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng 1	
1187	Khoa Y	14/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YC2	25121MD324202	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1188	Khoa Y	15/11/2025	07g30	250	Pre-Clinical skills I	MD2285	2	KY24QWV-YK1; KY24QWV-YK2	25121MD228501	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1189	Khoa Y	15/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YC1	25121MD324201	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1190	Khoa Y	15/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng I	MD3242	2	KY24QWV-YK1	25121MD324203	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng 1	
1191	Khoa Y	17/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng II	MD3243	2	KY23QWV-YK3	25121MD324303	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1192	Khoa Y	17/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng II	MD3243	2	KY23QWV-YK2	25121MD324302	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng 1	
1193	Khoa Y	18/11/2025	07g30	250	Pre-clinical skills II	MD3005	2	KY23QWV-YK1; KY23QWV-YK2	25121MD300501	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1194	Khoa Y	18/11/2025	07g30	250	Tiền lâm sàng II	MD3243	2	KY23QWV-YK2	25121MD324302	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng 1	
1195	Khoa Y	18/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng II	MD3243	2	KY23QWV-YK1	25121MD324301	Thực hành	11.5: TH Tiền lâm sàng 1	
1196	Khoa Y	18/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng II	MD3243	2	KY23QWV-YK1	25121MD324301	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1197	Khoa Y	19/11/2025	07g30	250	Pre-clinical skills II	MD3005	2	KY23QWV-YK1; KY23QWV-YK2	25121MD300501	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1198	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Da liễu	MD3267	2	MD21DDH-MD1	25121MD326701	Trắc nghiệm	BV/DL-Y1: Bệnh viện Da Liễu	
1199	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Da liễu	MD3267	2	MD21DDH-MD1	25121MD326701	Trắc nghiệm	BV/DL-Y2: Bệnh viện Da Liễu	
1200	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Da liễu	MD3267	2	MD21DDH-MD1	25121MD326701	Trắc nghiệm	BV/DL-Y3: Bệnh viện Da Liễu	
1201	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Da liễu	MD3267	2	MD21DDH-MD1	25121MD326701	Trắc nghiệm	BV/DL-Y4: Bệnh viện Da Liễu	
1202	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD1	25121MD201201	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y3: BV Ung Bướu 2	
1203	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD2	25121MD201202	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y6: BV Ung Bướu 2	
1204	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD2	25121MD201202	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y7: BV Ung Bướu 2	
1205	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD1	25121MD201201	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y5: BV Ung Bướu 2	
1206	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD1	25121MD201201	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y8: BV Ung Bướu 2	
1207	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD2	25121MD201202	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y9: BV Ung Bướu 2	
1208	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD2	25121MD201202	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y11: BV Ung Bướu 2	
1209	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	General oncology	MD2012	2	MD21DHE-MD1	25121MD201201	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y10: BV Ung Bướu 2	
1210	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DDH-MD3	25121MD326803	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1211	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DDH-MD3	25121MD326803	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1212	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DDH-MD2	25121MD326802	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1213	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Phục hồi chức năng	MD3268	2	MD21DDH-MD2	25121MD326802	Trắc nghiệm	Bệnh viện PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	
1214	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21DDH-MD3	25121MD326403	Trắc nghiệm	BV/UB2-Y1: BV Ung Bướu 2	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1215	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21IDH-MD3	25121MD326403	Trắc nghiệm	BV UB2 Y2: BV Ung Bướu 2	
1216	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21IDH-MD3	25121MD326403	Trắc nghiệm	BV DK.TD Y7: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1217	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Răng hàm mặt	MD3264	2	MD21IDH-MD3	25121MD326403	Trắc nghiệm	BV DK.TD Y8: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1218	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD2	25121MD326202	Trắc nghiệm	BV YHCT Y2: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1219	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD2	25121MD326202	Trắc nghiệm	BV TN Y.11: BV Thống Nhất TP HCM	
1220	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD2	25121MD326202	Trắc nghiệm	BV TN Y.12: BV Thống Nhất TP HCM	
1221	Khoa Y	21/11/2025	07g30	250	Y học cổ truyền	MD3262	2	MD21IDH-MD1	25121MD326201	Trắc nghiệm	BV YHCT Y1: Bệnh viện Y học cổ truyền	
1222	Khoa Y	22/11/2025	13g00	250	Tiền lâm sàng II	MD3243	2	KY23QWV-YK3	25121MD324303	Thực hành	11.6: TH Tiền lâm sàng 2	
1223	Khoa Y	27/11/2025	07g30	250	Trung văn cơ bản	YC1002	3	KY25QWV-YC2: KB	25121YC100202	Vấn đáp	15.2B: Online	
1224	Khoa Y	28/11/2025	07g30	250	Vietnamese language I	GE1025	4	KY25QWA-YK2	25121GE102501	Vấn đáp	21.1: Hai Van Pass	
1225	Khoa Y	29/11/2025	13g00	250	Trung văn cơ bản	YC1002	3	KY25QWV-YC1	25121YC100201	Vấn đáp	18.4: Leo	
1226	Khoa Y	29/11/2025	07g30	250	Y học cổ truyền cơ sở	YC3022	2	KY25QWV-YC2- KB	25121YC302202	Trắc nghiệm	11.8: Phòng Huấn luyện Y học cổ truyền	
1227	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Internal Medicine IV	MD3014	3	MD20DHE-MD1	25121MD301401	Trắc nghiệm	BV DK.TD Y3: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1228	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Internal Medicine IV	MD3014	3	MD20DHE-MD1	25121MD301401	Trắc nghiệm	BV DK.TD Y4: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1229	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Ngôi bệnh lý III	MD3254	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV TN Y.1: BV Thống Nhất TP HCM	
1230	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Ngôi bệnh lý III	MD3254	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV TN Y.2: BV Thống Nhất TP HCM	
1231	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Ngôi bệnh lý III	MD3254	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV NTP Y.5: BV Nguyễn Trí Phương	
1232	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Ngôi bệnh lý III	MD3254	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325401	Trắc nghiệm	BV NTP Y.6: BV Nguyễn Trí Phương	
1233	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20Dh-MD2: MD20Dh-MD3-2	25121MD326002	Trắc nghiệm	BV NDI Y1: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1234	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20Dh-MD2: MD20Dh-MD3-2	25121MD326002	Trắc nghiệm	BV NDI Y2: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1235	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20Dh-MD2: MD20Dh-MD3-2	25121MD326002	Trắc nghiệm	BV NDTP Y1: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1236	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Nhi khoa III	MD3260	3	MD20Dh-MD2: MD20Dh-MD3-2	25121MD326002	Trắc nghiệm	BV NDTP Y2: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1237	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20Dh-MD2: MD20Dh-MD3-2	25121MD325102	Trắc nghiệm	BV DK.TD Y1: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1238	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	MD20Dh-MD2: MD20Dh-MD3-2	25121MD325102	Trắc nghiệm	BV DK.TD Y2: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	
1239	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV HV Y3: Bệnh viện Hùng Vương	
1240	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV HV Y4: Bệnh viện Hùng Vương	
1241	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV HV Y5: Bệnh viện Hùng Vương	
1242	Khoa Y	05/12/2025	07g30	200	Phụ sản III	MD3257	3	MD20Dh-MD1: MD20Dh-MD3-1	25121MD325701	Trắc nghiệm	BV HV Y6: Bệnh viện Hùng Vương	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1243	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.TNBN Y3: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1244	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.NBTP Y4: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1245	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NBĐI Y3: Bệnh viện Nhi Đồng I	
1246	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NBĐI Y4: Bệnh viện Nhi Đồng I	
1247	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NBTP Y3: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1248	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD313403	Vấn đáp	BV.NBTP Y6: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1249	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NBĐI Y5: Bệnh viện Nhi Đồng I	
1250	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NBĐI Y6: Bệnh viện Nhi Đồng I	
1251	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NBTP Y5: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1252	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TNBN Y1: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1253	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TNBN Y2: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1254	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TrVn Y1: Bệnh viện Trung Vương	
1255	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TrVn Y2: Bệnh viện Trung Vương	
1256	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TNBN Y6: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1257	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TrVn Y10: Bệnh viện Trung Vương	
1258	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.TrVn Y11: Bệnh viện Trung Vương	
1259	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV Y1: Bệnh viện Hùng Vương	
1260	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV Y2: Bệnh viện Hùng Vương	
1261	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.TNBN Y4: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1262	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.TNBN Y5: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1263	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV Y7: Bệnh viện Hùng Vương	
1264	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.HV Y8: Bệnh viện Hùng Vương	
1265	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV.TNBN Y7: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1266	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Phu sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD311402	Vấn đáp	BV/TNBN Y8: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1267	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Surgery I (Practice)	MD3124	2	MD22DHE-MD1	25121MD312401	Vấn đáp	BV.Tr.V. Y10: Bệnh viện Trưng Vương	
1268	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Surgery I (Practice)	MD3124	2	MD22DHE-MD1	25121MD312401	Vấn đáp	BV.NTP Y.1: BV Nguyễn Trí Phương	
1269	Khoa Y	26/12/2025	07g30	200	Surgery I (Practice)	MD3124	2	MD22DHE-MD1	25121MD312401	Vấn đáp	BV.NTP Y.2: BV Nguyễn Trí Phương	
1270	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.TNBN Y3: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1271	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.Tr.V. Y10: Bệnh viện Trưng Vương	
1272	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.NTP Y.1: BV Nguyễn Trí Phương	
1273	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.NTP Y.2: BV Nguyễn Trí Phương	
1274	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.TNBN Y8: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1275	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.NTP Y.3: BV Nguyễn Trí Phương	
1276	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Ngoại bệnh lý I (TH)	MD3064	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD306403	Vấn đáp	BV.NTP Y.4: BV Nguyễn Trí Phương	
1277	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.ND1 Y1: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1278	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.ND1 Y2: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1279	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NDTP Y1: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1280	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NDTP Y2: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1281	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.ND1 Y3: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1282	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.ND1 Y4: Bệnh viện Nhi Đồng 1	
1283	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NDTP Y3: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1284	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nhi khoa I (TH)	MD3134	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD313402	Vấn đáp	BV.NDTP Y4: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố	
1285	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.Tr.V. Y2: Bệnh viện Trưng Vương	
1286	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305602	Vấn đáp	BV.TNBN Y1: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1287	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV.TNBN Y2: BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1288	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV.Tr.V. Y1: Bệnh viện Trưng Vương	
1289	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD305603	Vấn đáp	BV.Tr.V. Y11: Bệnh viện Trưng Vương	

STT	Khoa LHP	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chỉ	Lớp	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1290	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV.TNBN.Y6; BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1291	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV.TNBN.Y7; BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1292	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Nội bệnh lý I (TH)	MD3056	2	MD22DH-MD2; MD22DH-MD1-1	25121MD305602	Vấn đáp	BV.TT-VU.Y10; Bệnh viện Trưng Vương	
1293	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Obstetrics and Gynaecology I (Practice)	MD3070	2	MD22DHE-MD1	25121MD307001	Vấn đáp	BV.HV.Y2; Bệnh viện Hùng Vương	
1294	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Obstetrics and Gynaecology I (Practice)	MD3070	2	MD22DHE-MD1	25121MD307001	Vấn đáp	BV.TNBN.Y4; BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1295	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Obstetrics and Gynaecology I (Practice)	MD3070	2	MD22DHE-MD1	25121MD307001	Vấn đáp	BV.TNBN.Y5; BV Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai	
1296	Khoa Y	23/01/2026	07g30	200	Phụ sản I (TH)	MD3114	2	MD22DH-MD3; MD22DH-MD1-2	25121MD311403	Vấn đáp	BV.HV.Y1; Bệnh viện Hùng Vương	
1297	Viện Khoa Học Giáo Dục Và Đào Tạo Giáo Viên	14/11/2025	13g00	200	Thực tập 4	GT3014	5	PE22DH-PE1	25121GT301401	Nộp báo cáo	24.3: VP Viện KHGD&DTGV	
1298	Viện Khoa Học Giáo Dục Và Đào Tạo Giáo Viên	14/11/2025	13g00	200	Tổ chức sự kiện và hoạt động ngoại khóa	EM2005	2	VK24QWV-QG1	25121EM200501	Thực hành	8.4: 8.4	
1299	Viện Khoa Học Giáo Dục Và Đào Tạo Giáo Viên	25/11/2025	13g00	200	Thực tập sư phạm 4 (Thực tập tốt nghiệp)	EE3031	10	EE22DH-CD1	25121EE303101	Nộp báo cáo	24.3: VP Viện KHGD&DTGV	
1300	Viện Khoa Học Giáo Dục Và Đào Tạo Giáo Viên	26/11/2025	13g00	200	Thực tập 4	GT3014	5	PE22DH-PE1	25121GT301401	Nộp báo cáo	24.3: VP Viện KHGD&DTGV	

KT. Hiệu Trưởng
Phó Hiệu Trưởng



PGS.TS Lê Khắc Cường

P. KT - DBCL

Nguyễn Duy Cường

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
Người Lập Bảng

Phan Nguyễn Thế Cường

